

30/05/2018



BÁO CÁO NGÀNH THỦY SẢN

2018

CTCP Chứng khoán Nhất Việt

Mục lục

Khái quát về ngành Thủy sản Việt Nam.....	3
Định nghĩa ngành.....	3
Sản phẩm chính của ngành.....	3
Nguồn tham khảo.....	3
Tổng quan ngành.....	4
Một số chỉ số chính 2017.....	4
Cấu trúc ngành.....	4
Chuỗi giá trị ngành thủy sản.....	5
Chuỗi giá trị và yếu tố ảnh hưởng ngành.....	6
Yếu tố đầu vào.....	6
Quy trình sản xuất.....	9
Sản phẩm đầu ra.....	10
Sức hấp dẫn của ngành thủy sản.....	13
Tình hình 2017.....	13
Triển vọng 2018.....	14
Chu kỳ ngành.....	15
Đánh giá SWOT.....	17
Sản phẩm chính.....	18
Tôm.....	18
Doanh nghiệp lớn trong ngành tôm MINH PHÚ (MPC).....	23
Cá tra.....	28
Doanh nghiệp lớn trong ngành cá tra VĨNH HOÀN (VHC) ...	32

Khái quát về ngành Thủy sản Việt Nam

Định nghĩa ngành

Thủy sản là một trong những ngành sản xuất kinh doanh, một ngành hoạt động kinh tế nằm trong tổng thể kinh tế – xã hội của loài người. Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho nhân loại, không những thế nó còn là một ngành kinh tế tạo cơ hội công ăn việc làm cho nhiều lao động đặc biệt là ở vùng nông thôn và vùng ven biển. Nhu cầu thủy sản cho nhân loại ngày càng tăng trong khi nguồn lợi của các tài nguyên này lại có giới hạn và đã bị khai thác tới trần, vì vậy ngành nuôi trồng thủy sản phát triển để bù đắp vào những thiếu hụt đó. Ngành sản phẩm thủy sản Việt Nam bao gồm 4 phân ngành chính: Tôm, Cá tra, Cá ngừ, và Nhuyễn thể 2 mảnh vỏ

Sản phẩm chính của ngành

1.	Tôm	Tôm hùm
		Tôm sú
		Tôm thẻ chân trắng
2.	Cá tra	Cá tra
		Cá basa
3.	Cá ngừ	Cá ngừ mắt to
		Cá ngừ vây vàng
4.	Nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Tu hài
		Hàu
		Ngao
		Nghêu
		Sò

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam Vasep.com.vn

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Mard.gov.vn

Tổng cục thống kê Gso.gov.vn

Tổng cục Hải quan Custom.gov.vn

Nguồn tham khảo

Tổng quan ngành

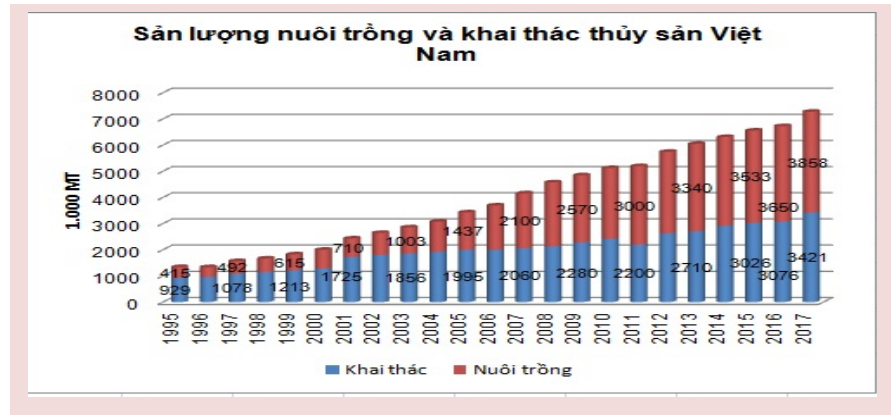
Một số chỉ số chính 2017

Sản lượng nuôi trồng	CAGR 2010-2017	CAGR F2018-2020
3.833 ngàn tấn	+4,59%	5,1%
Sản lượng khai thác		
3.277 ngàn tấn	+4,61%	5,3%

Các yếu tố tác động chính

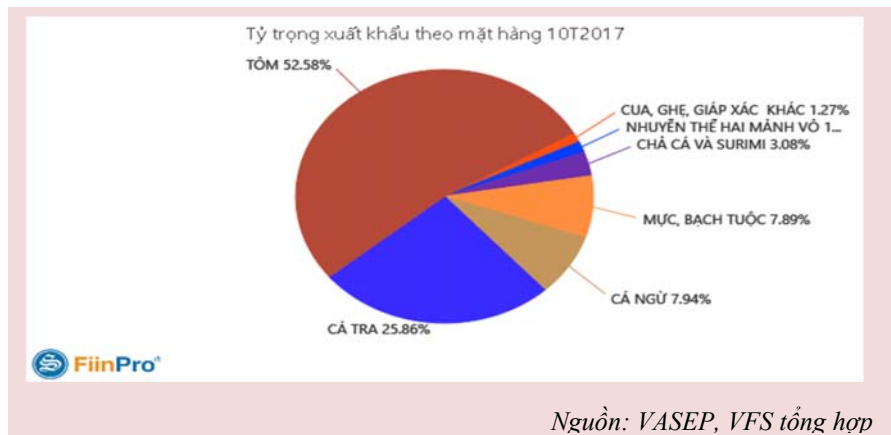
Biến đổi khí hậu và dịch bệnh

Bảo hộ thương mại và hàng rào kỹ thuật (thuế chống bán phá giá và kiểm định chất lượng)



Cơ cấu trong giá trị sản xuất thủy sản

Nuôi trồng	35%
Đánh bắt	22%
Chế biến	25%
Xuất khẩu	10%
Khác	8%

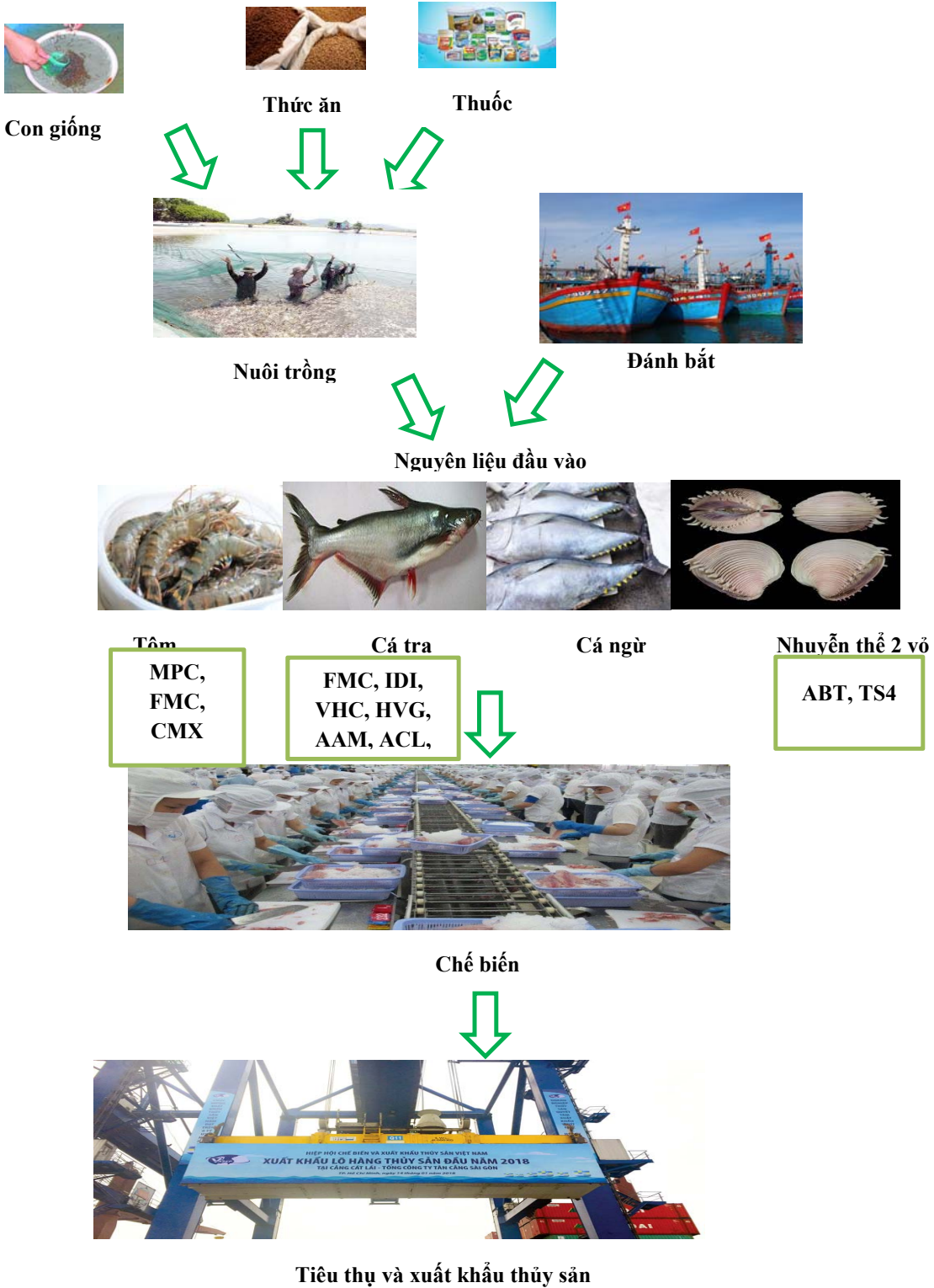


Nguồn: VASEP, VFS tổng hợp

Cấu trúc ngành

Chu kì ngành	Phát triển	Pháp luật và chính sách	Cao
Biến động doanh thu	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật	Trung bình
Mức độ tập trung ngành	Cao	Mức độ cạnh tranh	Cao

Chuỗi giá trị ngành thủy sản



Chuỗi giá trị và yếu tố ảnh hưởng ngành

Yếu tố đầu vào | Quy trình sản xuất | Sản phẩm đầu ra |

Yếu tố đầu vào

THUẬN LỢI

Việt Nam có vị trí điều kiện địa hình phù hợp và diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục được nỗ lực gia tăng (+1,49%/năm), cùng chính sách hỗ trợ của Nhà nước...

→Dư địa phát triển ngành nuôi trồng còn rất lớn.

Việt Nam có vị trí và điều kiện tự nhiên phù hợp cho hoạt động thủy sản

Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Trữ lượng hải sản ở Việt Nam ước tính có khoảng 4,2 triệu tấn và nguồn tái tạo là khoảng 1,73 triệu tấn.

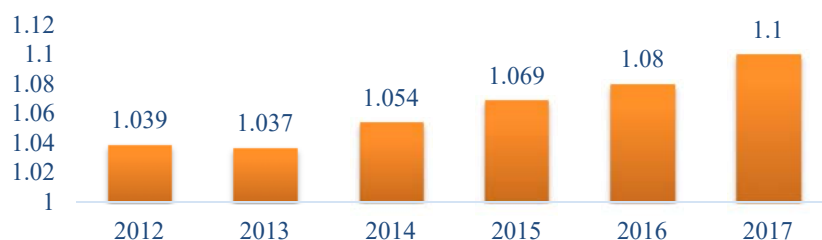
Chính sách Nhà nước hỗ trợ

Ngành thủy sản là một trong những ngành mũi nhọn luôn được sự quan tâm và hỗ trợ của Chính Phủ Với Quyết định số 332/QĐ-TTg đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam và Nghị Định 36/2014/NĐ- CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Nghị định 17/2018/NĐ-CP về hỗ trợ đóng mới tàu cá xa bờ công suất từ 800 CV trở lên...

Diện tích nuôi trồng gia tăng

Tốc độ tăng là 1,49%/năm giai đoạn 2013 – 2017. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trương chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa năng suất thấp sang các loại cây con khác hiệu quả hơn, trong đó có nuôi trồng thủy sản. Trong bối cảnh diện đất dành cho nông nghiệp ngày càng thu hẹp do quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp thì việc ngành nuôi trồng thủy sản duy trì và tăng được diện tích là một nỗ lực rất lớn, thể hiện ưu thế vượt trội so với các cây con nông nghiệp khác.

Diện tích nuôi trồng thủy sản Việt Nam (triệu ha)



Nguồn: VFS tổng hợp

HẠN CHẾ

Điều kiện về khí hậu thời tiết và dịch bệnh diễn biến thất thường, chi phí sử dụng vốn cao...

Hạn hán và xâm nhập mặn

Tình hình hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn diễn biến phức tạp trong 2016 -2017. Năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất thủy sản, nhất là các loài nuôi nước ngọt, tác động không nhỏ đến diện tích và sản lượng nguyên liệu thủy sản nói chung.

Dịch bệnh diễn biến bất thường và sự cố môi trường khó kiểm soát

Nông dân nuôi tôm Ấn Độ gặp nhiều khó khăn gây ra bởi dịch bệnh EHP và đốm trắng làm sản lượng tôm của nước này giảm từ 5 – 10% trong năm 2016. Thủy sản Thái Lan khốn đốn vì dịch EMS làm giảm 40% sản lượng tôm hàng năm của Thái Lan... Ở Việt Nam hiện tượng tôm, cá chết hàng loạt do dịch bệnh và sự cố môi trường thường xuyên xảy ra. Điển hình như hiện tượng tôm chết hàng loạt 2014-2016, sự cố xả thải Formosa, 200 tấn cá chết ở sông Đồng Nai... Cuối năm 2011, dịch bệnh khiến hàng trăm hộ nuôi tu hải vịnh Lan Hạ, quần đảo Cát Bà (Cát Hải) thiệt hại gần 200 tỷ đồng. Thủy triều đỏ nhiều lần xuất hiện trên diện rộng tại Cát Bà làm chết hơn 3.000 tấn ngao nuôi, ngao chết 30 - 40%, có bãi lên tới 90%, gây thiệt hại 60 tỷ đồng. Trong 6T/2014 thống kê có hơn 24.000 ha diện tích nuôi thủy sản bị bệnh, tăng 7.000 ha so với 2013. Trong đó có 1.000 ha nuôi cá tra, 14.000 lồng nuôi tôm hùm.

Chi phí vốn lớn

Ngành thủy sản là một ngành đòi hỏi đầu tư vốn lớn với thời gian thu hồi lâu. Trong khi nguồn vốn tự có của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế nên vẫn phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng. Hiện Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được vay vốn lãi suất 11%, dù được ưu đãi nhưng vẫn còn cao hơn nhiều các nước quanh khu vực khoảng 5-8%. Thống kê chi phí vốn có thể chiếm trên 30% lợi nhuận gộp doanh nghiệp, thậm chí có doanh nghiệp vì lãi vay cao mà thua lỗ như: thủy sản Bình An, thủy sản Hùng Vương...

Những hạn chế trên, dẫn đến

(1) Giá thành sản xuất nguyên liệu của Việt Nam còn cao

Ngành nuôi tôm và một số sản phẩm thủy sản chủ lực của Việt Nam đã được nhìn nhận và so sánh với các ngành tương tự tại Ấn Độ, Thái Lan cho thấy giá thành sản xuất của VN đang cao hơn từ 10-30%. Có nhiều yếu tố tác động tạo ra giá thành sản phẩm cao (từ giống, thức ăn, các vật tư đầu vào, lãi vay, tồn thất sau thu hoạch, điện-nước, các chi phí hành chính...). Đây cũng là yếu tố quan

Giá thành sản xuất nguyên liệu cho nuôi trồng và chế biến của Việt Nam còn cao hơn 10-30% so với khu vực, và thiếu hụt nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu (cạnh tranh thu mua nguyên liệu trong nước và phải nhập khẩu bổ sung). Đây là ngành có độ rủi ro cao

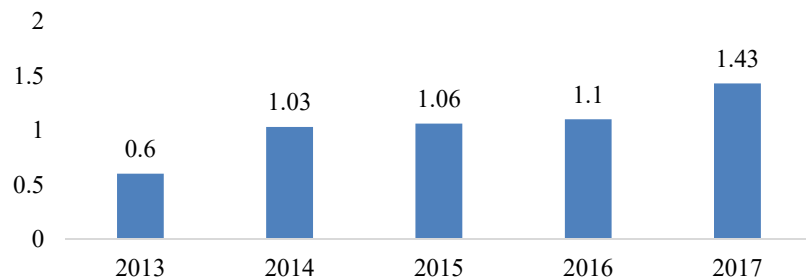
trọng tác động lên hệ số cạnh tranh của thủy sản Việt Nam trong năm 2017 mà các DN đặc biệt quan tâm.

(2) Thiếu nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu

Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác và tôm nguyên liệu, trong khi nguồn cung cầu nguyên liệu cá tra luôn không ổn định.

Tình hình bất ổn trên Biển Đông gần đây đã phần nào hạn chế lượng tàu cá ra khơi khai thác thủy sản, cùng với việc các thương nhân Trung Quốc tăng cường gom hàng thủy sản ngay ngoài biển cũng như tới tận các bến cá và cảng cá trên đất liền của nước ta, thu mua với giá cao để tranh giành với DN Việt Nam khiến cho nguồn nguyên liệu thủy sản khai thác vốn đã hạn chế nay lại càng gay gắt hơn. Nhiều DN than phiền rằng, tìm nhà NK để xuất hàng còn dễ hơn kiếm được một bạn hàng cung cấp nguyên liệu. Theo điều tra mới đây của VASEP, hơn 90% số DN làm hàng hải sản trả lời phiếu điều tra cho biết, họ đang có nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu hải sản cho chế biến xuất khẩu. Tình trạng thiếu nguyên liệu còn thể hiện ở việc Việt Nam đã nhập khẩu nguyên liệu thủy sản từ trên 70 nước với giá trị liên tục tăng. Từ năm 2001 - 2004, giá trị NK đạt khoảng 90 - 100 triệu USD/năm và từ năm 2005 - 2008, giá trị NK tăng lên, đạt khoảng 200 - 300 triệu USD/năm. Đến năm 2010, khối lượng nguyên liệu thủy sản NK là 130,2 nghìn tấn, trị giá 325,375 triệu USD. Năm 2017, Việt Nam ước nhập khẩu 1,43 tỷ USD thủy sản.

Nhập khẩu thủy sản vào Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: VFS tổng hợp

Quy trình ngành nuôi trồng thủy sản

Chuỗi giá trị và yếu tố ảnh hưởng ngành

Yếu tố đầu vào | Quy trình sản xuất | Sản phẩm đầu ra |

Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất với mức độ áp dụng công nghệ khoa học chưa hiện đại và thiếu đồng bộ dẫn đến tình trạng thiếu hụt cũng như chất lượng sản phẩm chưa đồng đều

→ (a) Dự địa để tăng sản lượng thông qua tăng năng suất còn rất lớn.

(b) Tình trạng luôn thiếu hụt nguồn nguyên liệu thủy sản trong nước và phải nhập khẩu bổ sung cho các nhà máy chế biến.

Kỹ thuật sản xuất giống cá rô phi, tôm càng xanh toàn đực đang được sử dụng phổ biến ở hầu hết các tỉnh trong cả nước. Tuy nhiên, chất lượng đàn giống còn chưa cao vì: tỷ lệ cá thể cái vẫn lớn, tốc độ tăng trưởng chưa cao. Hệ thống nuôi tuần hoàn (RAS) đã được áp dụng tại một số cơ sở sản xuất giống tôm nước lợ, cá cảnh. Công nghệ Biofloc đã được ứng dụng rộng rãi ở các tỉnh ven biển để nuôi tôm nước lợ, cá rô phi thương phẩm cho hiệu quả bước đầu. Một số mô hình nuôi ghép như: tôm nước lợ - rong biển, bào ngư - rong biển,... hoặc nuôi kết hợp như: cá - lúa, tôm - lúa,... đã được nghiên cứu và chuyển giao vào sản xuất... Nhìn chung ngành nuôi trồng thủy sản vẫn còn sản xuất theo hộ cá thể việc áp dụng khoa học kỹ thuật để sản xuất quy mô công nghiệp gặp nhiều khó khăn. Trong khi trên thế giới, công nghệ 4.0 đã và đang được thúc đẩy áp dụng mạnh mẽ trong lĩnh vực nông nghiệp- thủy sản tại các nước như Israel, châu Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,... thì Việt Nam vẫn còn đang trong quá trình nghiên cứu, chuyển giao.

Quy trình ngành đánh bắt

Ngành đánh bắt thủy sản còn ở mức độ lạc hậu với phần lớn đội tàu đánh bắt gần bờ cùng công nghệ lạc hậu. Tính đến hết năm 2017, số lượng tàu đánh bắt xa bờ mới ở mức 33.410 / 110.950 tổng số tàu. Hiện, ngoài số tàu công suất lớn từ 750 CV trở lên được đóng mới theo Nghị định 67 đã trang bị công nghệ bảo quản hải sản khá hiện đại, còn lại hầu hết các tàu đều lạc hậu nên mỗi chuyến đánh bắt chỉ một tuần đến 10 ngày với công nghệ bảo quản hải sản bằng ướp đá trong khoang tàu làm giảm đến 20% sản lượng. Đặc biệt là chính vì công nghệ và tập quán khai thác lạc hậu mà giá trị cá ngừ Việt Nam chỉ bằng 1/10 của Nhật Bản. Tình trạng tận diệt nguồn thủy sản ven bờ giá trị thấp trong khi nguồn hải sản có giá trị kinh tế cao xa bờ chưa được khai thác hiệu quả.

Quy trình ngành chế biến

Trong khu vực không có nước nào có trình độ chế biến thủy sản và hệ thống quản lý chất lượng như các nhà máy của Việt Nam. Do đó, VN đang có thể mạnh về sản xuất thủy sản để xuất khẩu vào các thị trường cao cấp. Hiện tại năng lực chế biến thủy sản trong nước có thể đạt trên 3 triệu tấn sản phẩm/năm. Các sản

phẩm như sushi, sashimi, surimi... đã được sản xuất ở hầu hết nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu

Sản phẩm đầu ra

Dân số và kinh tế thế giới tăng trưởng, hội nhập sâu rộng của Việt Nam khiến nhu cầu thủy sản lớn.

(1) Theo dự báo trong báo cáo tổ chức lương thực thế giới, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng từ 49% năm 2012 lên 62% năm 2030.

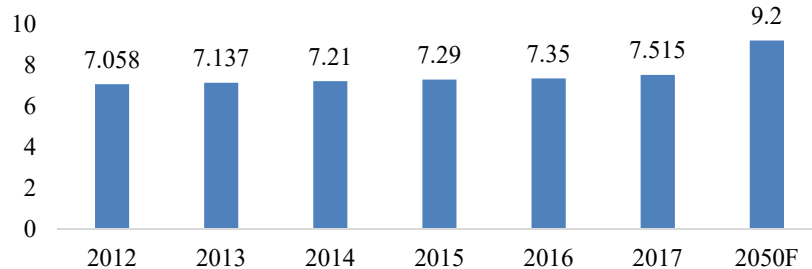
(2) Doanh thu 80% đến từ thị trường xuất khẩu, các rào cản kỹ thuật thương mại và hàng rào thuế và phí thuế quan, cạnh tranh từ các nước ...

→ Doanh thu ngành biến động nhạy cảm với tình hình thế giới

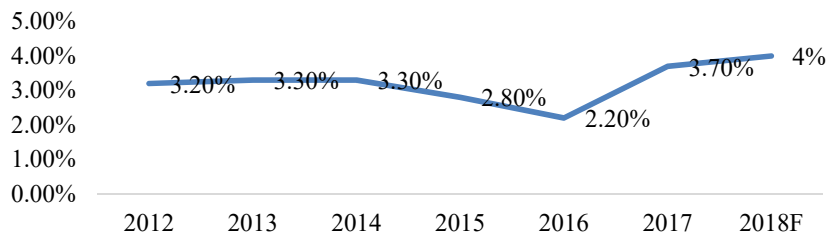
Nhu cầu thủy sản lớn

Xét về nhu cầu thủy sản, ngành nuôi trồng thủy sản có nhiều tiềm năng. Về dài hạn, theo đánh giá của liên hợp quốc, dân số thế giới dự kiến đạt 9,2 tỷ người vào năm 2050. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Hoạt động sản xuất thực phẩm cần tăng thêm 60% vào năm 2030 để đáp ứng đủ cho lượng người ăn ngày càng tăng. Trong đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Theo dự báo trong báo cáo tổ chức lương thực thế giới, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng từ 49% năm 2012 lên 62% năm 2030.

Dân số thế giới (tỷ người)



Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới (%)



Nguồn: VFS tổng hợp

Phụ thuộc thị trường xuất khẩu

Ngành thủy sản Việt Nam phục vụ chủ yếu cho mục tiêu xuất khẩu với tỷ trọng trên 80% doanh thu nên những biến động về nhu cầu trên thị trường thế giới đều tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp trong ngành. Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu là điều kiện kiên quyết để giảm bớt rủi ro này.

Tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam giúp giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan

Với các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã và sắp ký kết, tiêu biểu như FTA Việt Nam; Liên minh kinh tế Á-Âu, FTA Việt Nam và Hàn Quốc; các hiệp định quan trọng như FTA Việt Nam – EU và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ giúp Việt Nam tăng lợi thế khi xuất khẩu thủy sản sang những thị trường chủ lực như Mỹ, Nhật, Châu Âu, Nga với thuế suất thấp đến 0%.

Rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại

Với việc tự do hóa thương mại, thủy sản Việt Nam sẽ có lợi về thuế quan, nhưng sẽ là đối tượng để các thị trường áp dụng các rào cản phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành SX nội địa hoặc hạn chế NK.

(1) *Về các quy định kiểm soát chất lượng của thị trường nhập khẩu Nhật Bản* duy trì tần suất kiểm tra 100% các chỉ tiêu Furazolidone, Enrofloxacin và Sulfadiazine đối với các lô hàng tôm NK từ Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định mới của Luật Vệ sinh thực phẩm của Nhật Bản, từ tháng 10/2016, Nhật Bản loại bỏ ra khỏi danh sách giám sát các chất Sulfamethoxazole, Sulfadiazine và Chloramphenicol trong tôm nuôi Việt Nam. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Vương quốc Ả-rập Xê-út (SFDA) đã ban hành chỉ thị 21174 ngày 23.1.2018 về việc "tạm đình chỉ nhập khẩu (NK) các sản phẩm cá, giáp xác và các sản phẩm thủy sản khác từ Việt Nam" căn cứ vào “Báo cáo quý về tình hình dịch bệnh thủy sản (khu vực Châu Á Thái Bình Dương), tháng 4-7.2017” của Tổ chức Thú y thế giới

(2) *Kiểm soát bảo tồn nguồn lợi* Đối với khai thác và XK cá ngừ, ngoài quy định của NOAA thuộc Bộ Thương mại Mỹ và Tổ chức Viện đảo và trái đất (Earth Island Institute – EII) liên quan đến chương trình bảo vệ cá heo trong thương mại XK cá ngừ. EU và sắp tới là Mỹ đều thắt chặt quy định kiểm soát và chống hoạt động khai thác bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo (IUU).

(3) *Thuế chống bán phá giá và chương trình thanh tra cá da trơn* vẫn là rào cản thương mại và rào cản kỹ thuật lớn cho cá tra Việt Nam tại thị trường Mỹ. Với mức thuế CBPG quá cao, hiện nay, số lượng DN XK cá tra đi Mỹ chỉ còn 2-3 DN lớn bám trụ được thị trường này. Chương trình thanh tra cá da trơn với một số quy định ngặt nghèo, cũng đang trong giai đoạn chuyển tiếp. Mặc dù, chương trình này chưa tác động mạnh tới kim ngạch XK cá tra sang thị trường Mỹ nhưng gây hoang mang tâm lý cho các nhà XK. Thuế CBPG tôm POR10 tăng cao, gây

bất lợi cho XK tôm Việt Nam sang Mỹ, tạo áp lực tâm lý tới các DN XK và tạo tâm lý chưa ổn định cho phía khách hàng.



Chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ tại thị trường xuất khẩu

Trong nước là áp lực cạnh tranh vùng nguyên liệu và lao động phổ thông khá gay gắt. Một mặt do nguồn nguyên liệu thủy sản cho xuất khẩu vẫn thiếu hụt và không ổn định, nhưng mặt khác mức độ tuân thủ hợp đồng của người nông dân với doanh nghiệp không cao đặc biệt là khi giá cả biến động tăng. Ngành thủy sản cũng là ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông nên với sức ép gia tăng tiền lương và cạnh tranh với nội bộ ngành cũng như các ngành khác trong việc thu hút lao động cũng là vấn đề nan giải.

Trên thế giới thì thủy sản VN cũng chịu áp lực cạnh tranh gay gắt về giá bán với các nước xuất khẩu thủy sản khác như: Thái Lan, Indonesia, Ecuador, Trung Quốc, Ấn Độ... và bảo hộ ngành khai thác của các nước nhập khẩu như: Mỹ, EU, Nhật Bản...

Xuất khẩu kỷ lục mới

Sức hấp dẫn của ngành thủy sản

Tình hình 2017 | Triển vọng 2018 | Chu kỳ ngành | Đánh giá SWOT

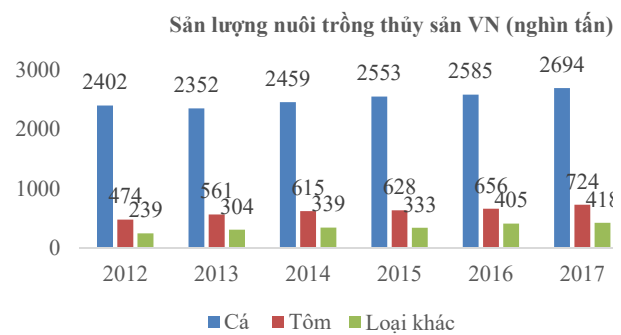
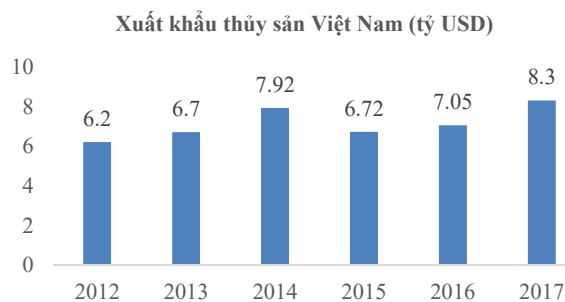
Tình hình 2017

Năm 2017, trong khi xuất khẩu chững lại thị trường Mỹ, thì thủy sản Việt Nam lại thắng lớn tại thị trường EU (do các đối thủ gặp khó khăn) và bùng nổ tại thị trường Trung Quốc (do thói quen của người dân nước này chuyển hướng từ mặt hàng tươi sống sang hàng đông lạnh)

→ Xuất khẩu đạt kỷ lục. Xuất khẩu thủy sản mạnh khuyến khích hoạt động nuôi trồng khởi sắc theo.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu thủy sản của VN trong năm 2017 đạt trên 8,3 tỉ USD, tăng gần 19% so với năm 2016. Đây cũng là mức kỷ lục của ngành thủy sản từ trước tới nay. Đóng góp lớn nhất vào xuất khẩu thủy sản vẫn là mặt hàng tôm với mức tăng trưởng trên 21% với giá trị xuất khẩu đạt 3,8 tỉ USD. Tiếp đến là mặt hàng cá tra đạt gần 1,8 tỉ USD, dù gặp khó khăn ở nhiều thị trường lớn nhưng tổng cộng vẫn tăng gần 4% so với năm ngoái. Xuất khẩu cá ngừ và mực, bạch tuộc đều chạm mức gần 600 triệu USD, tăng lần lượt 16% và 42% so với năm 2016.

Với mức tăng 37% trong năm 2017 và giá trị nhập khẩu lên đến 420 triệu USD, Trung Quốc đang dẫn đầu các thị trường mua cá tra, và là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 3 sau EU và Nhật Bản với giá trị 677 triệu USD, tăng trên 60% so với năm 2016. Năm 2017, con tôm thắng lớn tại thị trường EU (tăng gần 22%). Nguyên nhân khách quan là do tôm Ấn Độ (đối thủ chính của Việt Nam) bị dính kháng sinh và đối mặt với nguy cơ EU cấm nhập khẩu nên tôm Việt Nam được lựa chọn thay thế. "Trong khi đó, tôm Việt Nam đã kiểm soát được kháng sinh tốt hơn trước đây.

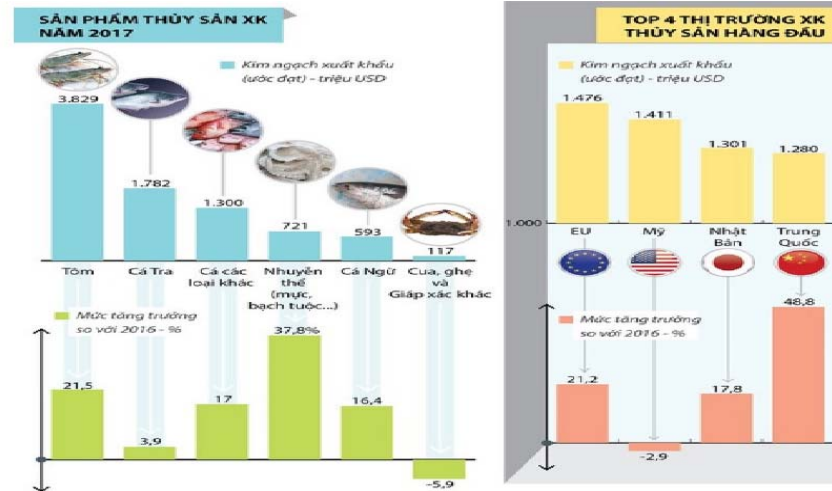


Nguồn: VFS tổng hợp

Sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc

Sản lượng thủy sản cả năm ước tính đạt 7.225,0 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm trước, trong đó cá đạt 5.192,4 nghìn tấn, tăng 4,8%; tôm đạt 887,5 nghìn tấn, tăng 8,8%. Hoạt động nuôi trồng thủy sản năm 2017 đạt khá, nhất là nuôi tôm nước lợ và cá tra. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm ước tính đạt 3.835,7 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm 2016, trong đó cá đạt 2.694,3 nghìn tấn, tăng 4,2%; tôm đạt 723,8 nghìn tấn, tăng 10,3%.

Diện tích nuôi cá tra năm 2017 ước tính đạt 6.701 ha, tăng 18,9% so với năm trước; sản lượng ước tính đạt 1.251,3 nghìn tấn, tăng 5,0%. Nuôi tôm nước lợ gặp nhiều thuận lợi về thời tiết và giá cả. Năm 2017, diện tích nuôi tôm sú ước tính đạt 478,8 nghìn ha, tăng 1,1% so với năm trước, sản lượng đạt 254,9 nghìn tấn, tăng 4,4%; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt 105,1 nghìn ha, tăng 8,2%, sản lượng đạt 432,3 nghìn tấn, tăng 14,3%.



Nguồn: VASEP

Triển vọng 2018

Trong bối cảnh thị trường tiêu thụ thuận lợi (đặc biệt tại thị trường Trung Quốc), sự phát triển nhanh chóng trong nuôi trồng, đánh bắt, chế biến là những căn cứ để tin tưởng ngành thủy sản không chỉ hoàn thành kế hoạch xuất khẩu, mà còn được kỳ vọng sẽ tạo nên cột mốc mới trong năm 2018

Triển vọng khả quan 2018

Ngành thủy sản đặt mục tiêu năm 2018, tốc độ tăng giá trị thủy sản đạt từ 5,3% đến 5,8%; Tổng sản lượng thủy sản đạt từ 7 triệu tấn đến 7,5 triệu tấn. Trong đó, nuôi tôm các loại là 750 nghìn tấn, tăng 3,6%; sản lượng cá tra đạt 1,3 triệu tấn, tăng 3,9% so với năm 2017. Ổn định diện tích nuôi tôm sú khoảng 600 nghìn ha, sản lượng 265 nghìn tấn; phát huy lợi thế của tôm thẻ chân trắng và duy trì diện tích nuôi khoảng 100 nghìn ha, sản lượng 435 nghìn tấn. Kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đạt 9 tỉ USD.

VASEP dự báo xuất khẩu thủy sản năm 2018 sẽ đạt trên 8,5 tỉ USD.

Thách thức không thể chủ quan

Diễn biến thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu tiếp tục khó lường và khốc liệt; những vấn đề từ chính khâu nuôi, chế biến như dư lượng kháng sinh, tạp chất trong sản phẩm; cùng với việc các thị trường xuất khẩu vẫn còn đó những rủi ro về thuế, các chương trình thanh tra, vấn đề thẻ vàng của Ủy ban châu Âu về khai thác bất hợp pháp... Do đó, để phát triển, ngành thủy sản cần phải đi theo hướng bền vững, hướng sản xuất lớn, có truy xuất nguồn gốc.

Sức hấp dẫn của ngành

Tình hình 2017 | Triển vọng 2018 | Chu kỳ ngành | Đánh giá SWOT

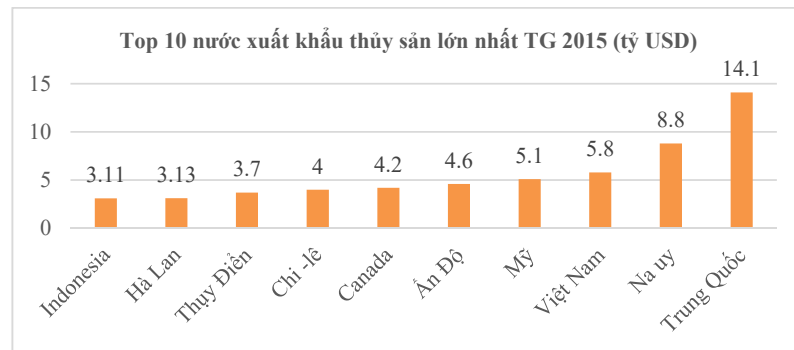
Ngành thủy sản Việt Nam ra đời từ rất lâu nhưng phải tới giai đoạn sau năm 1990 khi được quan tâm đầu tư phát triển mới cạnh tranh được với các nước trong khu vực và trên thế giới. Từ một nước nhập khẩu lương thực với số 0 trên bản đồ thủy sản thế giới, giờ đây Việt Nam vươn lên vị trí thứ 3 về xuất khẩu thủy sản thế giới, và đứng số 1 về xuất khẩu tôm năm 2017. Ngành thủy sản VN đã trải qua 4 giai đoạn

Giai đoạn 1 (1996-2001)

Đây là giai đoạn khởi đầu với sản lượng tăng chậm qua các năm với tốc độ từ 8,5 – 20%/năm. Cũng trong giai đoạn này sản lượng khai thác hải sản đạt trên 2 triệu tấn và xuất khẩu thủy sản vượt ngưỡng 1 tỷ USD vào năm 2000. Tư duy quản lý giai đoạn này là “số lượng” khi Nhà nước chỉ chú trọng đạt sản lượng và giá trị xuất khẩu mà không quan tâm hiệu quả thực sự của xuất khẩu.

Giai đoạn 2 (2002-2007)

Là giai đoạn tăng trưởng nhanh với tốc độ duy trì từ 17-25%/năm. Sản lượng khai thác thủy sản đạt mức trên 3,4 triệu tấn (2005) và xuất khẩu trên 3,3 tỷ USD (2006).



Stt	Quốc gia	Sản lượng nuôi trồng 2015 (triệu tấn)
1	Trung Quốc	58,8
2	Indonesia	14,4
3	Ấn Độ	4,9
4	Việt Nam	3,4
5	Philippines	2,3
6	Bangladesh	2
7	Hàn Quốc	1,6
8	Na Uy	1,3
9	Chile	1,2
10	Ai Cập	1,1
11	Nhật Bản	1
12	Myanmar	0,96
13	Thái Lan	0,93
14	Brazil	0,56
15	Malaysia	0,52

Nguồn: VFS tổng hợp, World Atlas

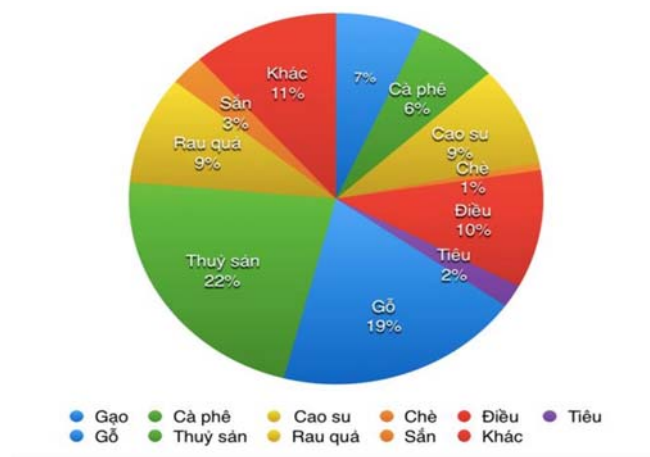
Giai đoạn 3 (2008 – 2013)

Nền kinh tế thế giới và Việt Nam bước vào khủng hoảng tác động đáng kể đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Giai đoạn phát triển nóng trước đó cũng làm tăng đột biến số lượng doanh nghiệp trong ngành gây nên tình trạng cạnh tranh không lành mạnh như bán phá giá, sử dụng nhiều kháng sinh... làm mất uy tín và thương hiệu thủy sản Việt Nam đi kèm với đó là thuế chống bán phá giá và cấm nhập khẩu của các nước. Một quá trình đào thải đã diễn ra khi theo Vasep có đến 20% doanh nghiệp thủy sản đình đốn, phá sản (năm 2012) với những cái tên như: Bình An, Sông Hậu, An Khang, Vạn Hưng...

Giai đoạn 4 (từ 2014 đến nay)

Kinh tế toàn cầu phục hồi giúp nhu cầu thủy sản tăng lên nhanh chóng, cùng với chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã giúp các doanh nghiệp trong ngành từng bước vượt khó và tăng trưởng lợi nhuận. Sự đa dạng hóa thị trường xuất khẩu với sự vươn lên của các thị trường mới như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga... đã giúp thủy sản Việt Nam giảm được tác động từ việc áp thuế và hàng rào kỹ thuật từ các thị trường khó tính truyền thống là Mỹ và EU. Xuất khẩu thủy sản năm 2017 đạt kỷ lục trên 8,3 tỉ USD. Đáng chú ý trong xuất khẩu thủy sản năm 2017 là việc Trung Quốc đã vượt Mỹ trong top thị trường nhập khẩu cá tra và tôm của VN. Với mức tăng 37% trong năm 2017 và giá trị nhập khẩu lên đến 420 triệu USD, Trung Quốc đang dẫn đầu các thị trường mua cá tra, và là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 3 sau EU và Nhật Bản với giá trị 677 triệu USD, tăng trên 60% so với năm 2016.

Tỷ trọng xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9/2017

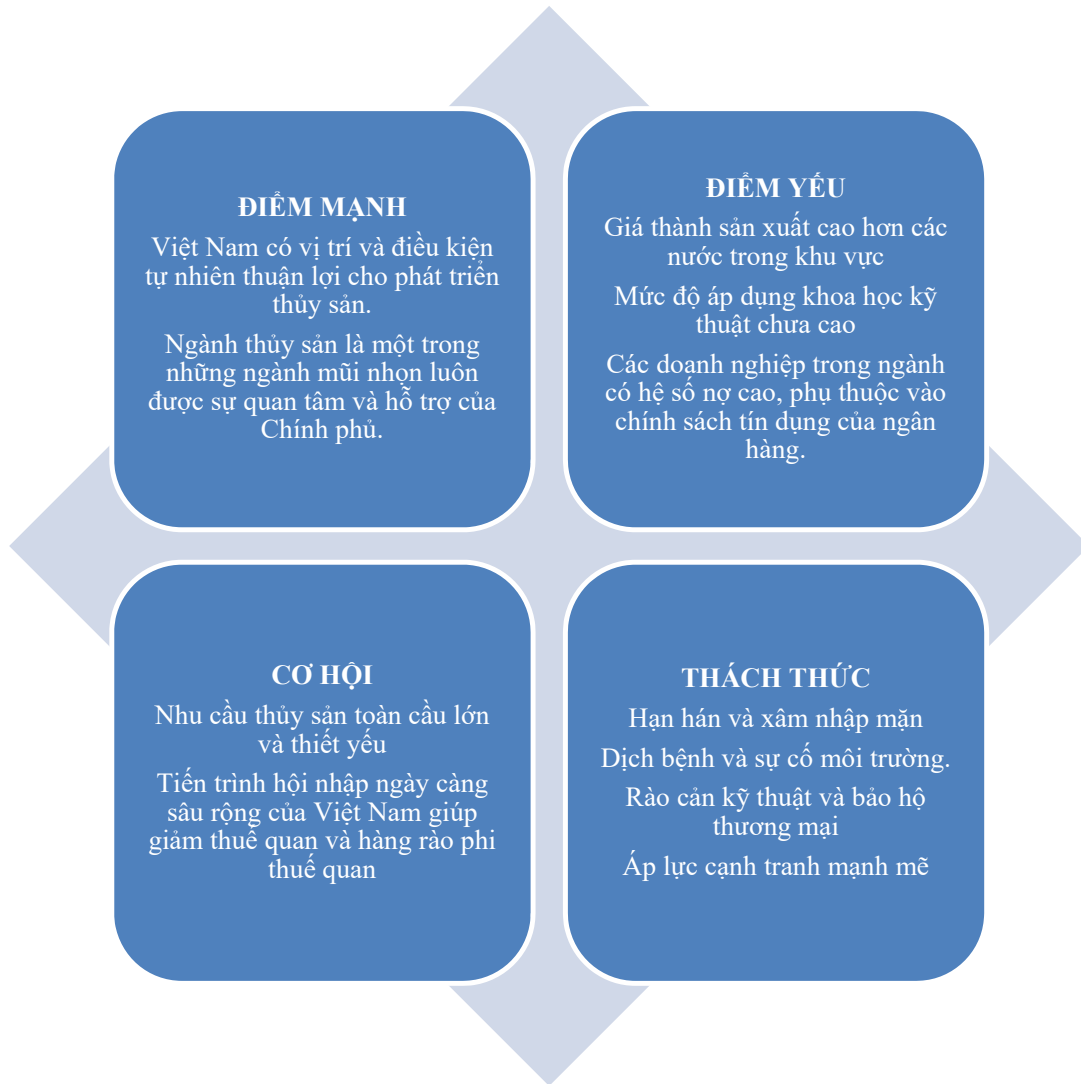


Nguồn: Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn

Sức hấp dẫn của ngành

Tình hình 2017 | Triển vọng 2018 | Chu kỳ ngành | Đánh giá SWOT

Đánh giá SWOT



Sản phẩm chính

Tôm | Cá tra |

Tôm

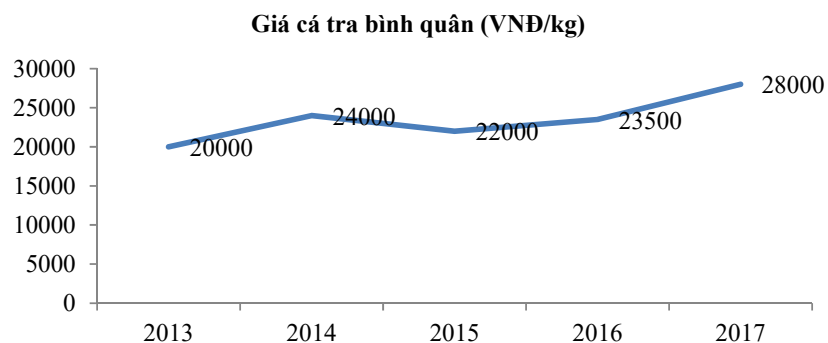
YẾU TỐ HỖ TRỢ

Giá thức ăn cho tôm ổn định, việc nhân rộng mô hình nuôi VietGAP, chính sách hỗ trợ của Nhà nước...

→ Giúp biên lợi nhuận của ngành được đảm bảo khuyến khích mở rộng sản xuất để Việt Nam thành “công xưởng tôm” của thế giới.

Giá tôm thương phẩm tăng

Tính trung bình trong năm 2017 giá tôm thẻ nguyên liệu 100 con/ki lô gam đã tăng 24% so với cùng kỳ năm 2016 đạt mức 112.500-113.000 đồng/ki lô gam. Đây là mức cao nhất từ trước tới nay. Trong khi đó giá tôm sú cũng tăng 15% so với cùng kỳ.



Nguồn: VFS tổng hợp

Giá thức ăn nuôi trồng thủy sản toàn cầu dự kiến ổn định

Đối với ngành nuôi trồng thủy sản, sự phục hồi nguồn lợi thủy sản lớn nhất được dự kiến là cho cá cơm Peru, ngành có sản lượng đánh bắt lớn và cung cấp nguồn bột cá, dầu cá chính dùng trong thức ăn nuôi trồng thủy sản. Giá bột cá sẽ dự báo giao động ổn định từ 1.100 USD - 1.500 USD/tấn.

Quy trình nuôi tôm hiện nay theo VietGAP

Giúp giảm dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng tôm thương phẩm... Để khuyến khích phát triển và nhân rộng mô hình nuôi tôm VietGAP giai đoạn 2015 - 2020, Bộ NN&PTNT đã phê duyệt dự án Khuyến nông Trung ương, trong đó có nội dung xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú theo VietGAP...

Chính sách Nhà nước hướng đến Việt Nam trở thành “công xưởng tôm” của thế giới.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có công văn 210/NHNN-TD 9/1/2013 chỉ đạo Agribank, Vietinbank, Vietcombank, Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL, bổ sung tôm vào danh mục các mặt hàng áp dụng như đối với cá tra. Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định 79/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025 với mục tiêu xuất khẩu 10 tỷ USD/năm.

YẾU TỐ HẠN CHẾ

Vẫn phải nhập khẩu tôm nguyên liệu, và thức ăn chăn nuôi 50 %

Tình hình dịch bệnh, sự cố môi trường vẫn là yếu tố khách quan khó nắm bắt

→ Giá thành sản xuất tôm nguyên liệu của Việt Nam còn cao, ước cao hơn 10-30% các nước trong khu vực, Sản lượng tôm thương phẩm chỉ đáp ứng được 70-80% nhu cầu nguyên liệu đầu vào ngành chế biến. Khó khăn cho quản lý và kiểm soát dịch bệnh.

Tôm bố mẹ vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu

So với giai đoạn trước đó phải nhập khẩu 100% tôm bố mẹ thì đến 2017 Việt Nam đã tạo và tự chủ được nguồn tôm bố mẹ khoảng 25%. Dù vậy đây vẫn là tỷ lệ thấp.

Sản lượng tôm giống mới chỉ đáp ứng được 50-60% nhu cầu nuôi

Tính đến hết năm 2017 sản lượng tôm giống ước đạt 130 tỷ con. Riêng nguồn tôm hùm (loại có giá trị kinh tế cao nhất) vẫn chưa sản xuất được con giống mà vẫn phải dựa vào khai thác từ tự nhiên.

Thị trường nguyên liệu thức ăn cho tôm vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu hơn 50%

Trong khi các nhà sản xuất thức ăn trong nước gần như 100% rơi vào doanh nghiệp ngoại dẫn tới giá thức ăn bị chi phối đẩy lên cao hơn các nước trong khu vực.

Thị trường thuốc cho tôm cũng đã rơi vào tay DN nước ngoài

Doanh nghiệp này hiện chiếm hơn 90% thị phần.

Hạn hán, mặn xâm nhập, sự cố môi trường biển làm giảm nguồn cung nguyên liệu, điển hình như sự cố Formosa tại các tỉnh miền Trung - Việt Nam

Nuôi quảng canh chiếm đa số với năng suất thấp

Trong số hơn 706 nghìn ha tôm hiện nay, mới có 95 nghìn ha nuôi công nghiệp, còn hơn 609 nghìn ha là quảng canh, quảng canh cải tiến theo hộ cá thể.

Các loại dịch bệnh trên tôm diễn biến phức tạp khó đoán

Hội chứng chết sớm (EMS) và bệnh vi bào tử trùng gan tụy Enterocytozoon hepatopenaei (EHP) đã ảnh hưởng nặng nề đến ngành tôm Trung Quốc và Thái Lan trong năm 2017, nếu không được kiểm soát có thể lây lan sang Việt Nam gây thiệt hại lớn.

Hàng rào thuế quan, kỹ thuật ngày càng khắt khe của các nước nhập khẩu

là những cản trở lớn đối với ngành như: thuế chống bán phá giá cá tra, tôm của Mỹ; Bộ luật liên bang Mỹ CFR quy định chỉ có doanh nghiệp nước ngoài nào đã thực hiện HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn) mới được xuất khẩu vào thị trường Mỹ. HACCP nhấn mạnh vai trò của nhà sản xuất thường xuyên ngăn ngừa và xử lý kịp thời những mối nguy có thể xâm nhập vào sản phẩm từ khâu nguyên liệu tới sản phẩm cuối cùng; an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm tra chặt chẽ hơn của các nước trong Liên minh Châu Âu, Hàn Quốc, Australia (CBPG)

SẢN PHẨM ĐẦU RA

Ngành chủ lực trong xuất khẩu thủy sản. Sản lượng tôm xuất khẩu Việt Nam hiện chiếm đến 45% tôm toàn cầu biến Việt Nam thành thủ phủ tôm của thế giới.

Sản phẩm dịch chuyển từ lượng sang chất Đã có khoảng 50% số tôm thẻ chân trắng xuất khẩu là các mặt hàng giá trị gia tăng.

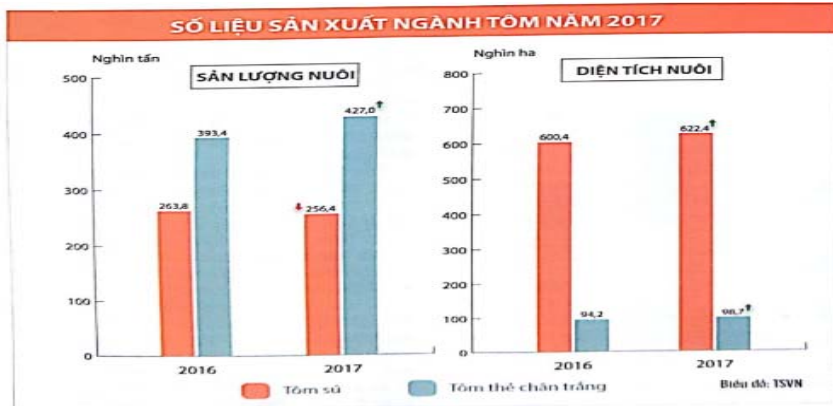
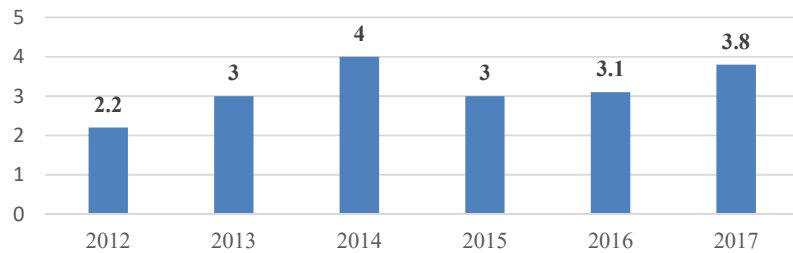
Cạnh tranh với các đối thủ trong xuất khẩu gồm:

- (a) Tôm khai thác của Bắc Mỹ và Tây Âu. Vụ tôm của Mỹ vừa qua cũng tăng mạnh về sản lượng, đạt gần 7.250 tấn tôm nguyên liệu.
- (b) Tôm nuôi tại các nước Thái Lan, Trung Quốc, Ecuador...đáng chú ý sau khi Hiệp định thương mại giữa Ecuador và châu Âu có hiệu lực thì tôm thẻ xuất khẩu của nước này vào EU tăng 9% năm 2017 đạt 40.000 tấn.

Ngành chủ lực trong xuất khẩu thủy sản

Xuất khẩu tôm hiện đang chiếm gần 1/2 kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành thủy sản và còn rất nhiều điều kiện để phát triển. Sản lượng tôm xuất khẩu Việt Nam hiện chiếm đến 45% tôm toàn cầu biến Việt Nam thành thủ phủ tôm của thế giới.

Giá trị xuất khẩu tôm Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: VFS tổng hợp, Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn

Sản phẩm dịch chuyển từ lượng sang chất

Trong cơ cấu xuất khẩu 2017 sản phẩm tôm thẻ chân trắng chiếm 65% tổng xuất khẩu tôm, đạt 2,5 tỷ USD, tăng 28% so với năm ngoái và gấp 3 lần xuất khẩu tôm sú. Đáng chú ý, các mặt hàng tôm thẻ chân trắng chế biến giá trị gia tăng có sự biến chuyển mạnh trong năm 2017. Đã có khoảng 50% số tôm thẻ chân trắng

xuất khẩu là các mặt hàng giá trị gia tăng. Đây cũng là xu hướng chung của một số thị trường nhập khẩu tôm hiện nay. Có thể kể đến một số sản phẩm như: sủ sushi hấp, thẻ tẩm bột, thẻ PD BBQ v.v....

Stt	Quy cách sản phẩm	GT (USD)	Tỷ lệ (%)
1	Tôm chân trắng	2.298.175.988	65,4
	Trong đó: - Tôm chân trắng chế biến (thuộc mã HS16)	1.015.417.234	
	- Tôm chân trắng sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	1.282.758.754	
2	Tôm sú	808.682.309	23
	Trong đó: - Tôm sú chế biến khác (thuộc mã HS16)	97.475.082	
	- Tôm sú sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	711.207.228	
3	Tôm biển khác	408.104.352	11,6
	Trong đó: - Tôm loại khác chế biến đóng hộp (thuộc mã HS16)	4.715.312	
	- Tôm loại khác chế biến khác (thuộc mã HS16)	165.723.375	
	- Tôm loại khác khô (thuộc mã HS03)	7.361.263	
	- Tôm loại khác sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	230.304.402	

Nguồn: VASEP

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam tập trung chủ yếu tại: EU, Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ. Sức chững lại của thị trường truyền thống là Mỹ không đáng ngại do triển vọng khá quan từ thị trường EU và sự vươn lên mạnh mẽ của thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc.

Thị trường EU

Năm 2017, xuất khẩu tôm sang thị trường EU đạt trên 862,8 triệu USD (+43,7% yoy và EU vươn lên là thị trường nhập khẩu lớn nhất tôm Việt Nam (chiếm 22,2% tổng giá xuất khẩu tôm Việt Nam). Theo VASEP, xuất khẩu tôm sang EU tăng mạnh do nhu cầu tiêu thụ tôm tăng cao ở thị trường này. Người tiêu dùng EU lại ưa chuộng các sản phẩm thủy sản giá trị gia tăng, tiện lợi cho việc chế biến, sử dụng. Cơ hội đẩy mạnh XK tôm sang thị trường này cũng còn khá lớn bởi khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, thuế XK nhiều mặt hàng tôm sẽ về mức 0%. Hiện tại, XK tôm sang EU cũng đang gặp nhiều thuận lợi khi được hưởng mức thuế GSP đối với tôm nguyên liệu đông lạnh là 4,2%; tôm chế biến đông lạnh là 7%. Trong khi đó, 2 thị trường đối thủ của tôm Việt là Thái Lan và Trung Quốc không được hưởng GSP của EU.

Thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu tôm sang Trung Quốc năm 2017 tăng tới 56,8% đạt 683,1 triệu USD. Khách hàng Trung Quốc so sánh tôm Việt Nam với tôm Ấn Độ, Thái Lan và chung nhận xét rằng giá thành sản xuất của Việt Nam đang cao hơn từ 10-30% nhưng chất lượng tôm tốt hơn và ngon hơn so với nhiều nước trong khu vực.

Điều đó khiến tôm Việt Nam được ưa chuộng tại Trung Quốc. Vasep dự báo nhiều khả năng Trung Quốc sẽ vượt Nhật Bản để trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của tôm Việt Nam ngay trong năm 2018.

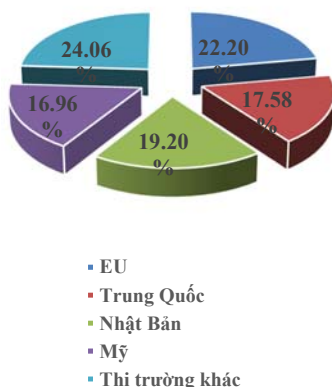
Thị trường Nhật Bản

Năm 2017, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Nhật Bản đạt 704,1 triệu USD (+17,4% yoy). Nhật Bản chiếm 19,2% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.

Thị trường Mỹ

Mỹ vẫn tiếp tục xếp thứ 4 trong số các thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam với giá trị 659,2 triệu USD (-7% yoy). Thị trường Mỹ sụt giảm thời gian qua là do bị tác động bởi những yếu tố liên quan đến chống bán phá giá và quyết định kiểm tra 100% lô hàng theo quyết định của Cơ quan Thanh tra an toàn thực phẩm thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ kể từ ngày 2-8-2017. Theo VASEP, khi so sánh thuế chống bán phá giá giữa Việt Nam, Ấn Độ, Thái-lan thì Việt Nam đang cao nhất.

Tỷ trọng Thị trường xuất khẩu tôm Việt Nam 2017



Thị trường	Tháng 10/2017 (GT)	Tháng 11/2017 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2016 (%)	Từ 1/1 – 30/11/2017 (GT)	Tỷ trọng (%)	So với cùng kỳ 2016 (%)
EU	109,957	86,376	23,9	71,1	780,199	22,2	42,4
Hà Lan	31,305	26,288	7,3	92,8	199,7	5,7	70,5
Anh	33,279	18,549		86,7	189,64	5,4	54,5
Đức	12,786	13,813	3,8	113,9	108,449	3,1	5,9
Nhật Bản	67,066	62,229	17,2	-8,4	642,836	18,3	18,6
TQ và HK	75,598	62,25	17,2	63,4	637,901	18,1	60,2
Mỹ	67,513	54,761	15,2	-4,7	609,941	17,4	-7,8
Hàn Quốc	43,524	44,251	12,2	47,9	344,782	9,8	33,9
Canada	18,596	12,93	3,6	-4,3	142,844	4,1	25,4
Australia	13,982	14,153	3,9	0,02	105,63	3	3,9
ASEAN	4,112	5,719	1,6	23,4	51,06	1,5	0,2
Singapore	2,31	3,136	0,9	1,2	28,15	0,8	-
Philippines	0,797	1,108	0,3	49,3	11,262	0,3	32,6
Đài Loan	6,061	4,742	1,3	4,8	48,052	1,4	2,7
Thụy Sĩ	3,704	2,305	0,6	2,2	35,081	1	16,1
Các TT khác	11,01	11,541	3,2	-21,8	116,637	3,3	-
							12,8

Nguồn: VFS tổng hợp, VASEP

Năm 2017 “vua tôm” trở lại

Doanh nghiệp lớn trong ngành tôm MINH PHÚ (MPC)

ĐIỂM NHẤN

Năm 2017 “vua tôm” trở lại khi được mùa và được giá. Kim ngạch xuất khẩu đạt 692,5 triệu USD (+30,5% yoy) vượt 1,7% kế hoạch. Tổng doanh số đạt hơn 16.800 tỷ đồng (+40,7% yoy) vượt 6,8% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 841 tỷ đồng, tăng gần 8 lần so với năm trước.

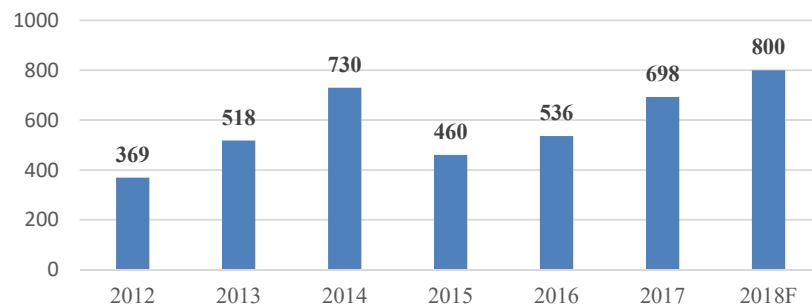
Triển vọng khả quan 2018 do hưởng lợi thuế quan từ tất cả các thị trường chủ lực và kế hoạch gỡ bỏ room ngoại và kế hoạch tăng vốn đột biến

Năm 2017 MPC đạt sản lượng 55.775 tấn (+31,4% yoy) Kim ngạch xuất khẩu đạt 692,5 triệu USD (+30,5% yoy) vượt 1,7% kế hoạch. Tổng doanh số đạt hơn 16.800 tỷ đồng (+40,7% yoy) vượt 6,8% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 841 tỷ đồng, tăng gần 8 lần so với năm trước.

Trúng vụ tôm 2017 Mùa vụ tôm Quý 3/2017 là mùa vụ thắng lợi lớn của người nuôi tôm khi mà tôm vừa được mùa vừa được giá. MPC là đơn vị có diện tích nuôi tôm lớn nên hưởng lợi lớn với biên lợi nhuận gộp đạt trên 50%.

Theo ban điều hành Minh Phú, nguyên nhân không đạt được kế hoạch lợi nhuận một phần do những tháng đầu năm 2017 tình hình nguyên liệu của ngành tôm là khó khăn. Đồng thời, các nước như Ấn Độ, Indonesia có giá tôm nguyên liệu rẻ hơn Việt Nam rất nhiều nên để cạnh tranh được, công ty phải giảm biên lợi nhuận. Hơn nữa, công ty còn một phần tồn kho giá cao của năm 2016 ảnh hưởng tới biên lợi nhuận. Tuy nhiên tính chung thì lợi nhuận công ty tăng vọt do sự “sôi sục” của thị trường tôm Trung Quốc với giá tôm ở mức cao và sản lượng nuôi trồng tăng mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu của MPC (triệu USD)



Nguồn: VFS tổng hợp

Triển vọng khả quan 2018

➤ **Kế hoạch kinh doanh tham vọng hơn** đã được Hội đồng quản trị MPC đề xuất với cổ đông là kim ngạch xuất khẩu hợp nhất đạt 800 triệu USD tăng 15%; sản lượng dự kiến đạt 63.000 tấn tôm thành phẩm, tăng 13%; tổng doanh thu

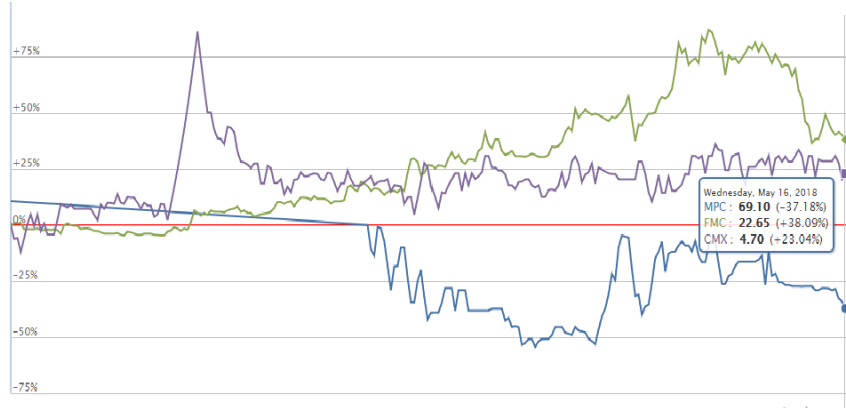
thuần hợp nhất 18.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 990 tỷ đồng, lần lượt tăng 8% và 39% so với kết quả thực hiện năm trước.

Kết quả kinh doanh Q1/2018 tăng mạnh CTCP Thủy sản Minh Phú công bố báo cáo tài chính quý 1/2018 với những con số tăng trưởng ấn tượng. Theo đó, doanh thu quý 1/2018 đạt 3.071 tỷ đồng (+14,5% yoy). Giá vốn hàng bán tăng chậm hơn mức tăng của doanh thu ở mức 11,5%, đạt 2.686 tỷ đồng. Do đó, Lợi nhuận gộp của Minh Phú đạt gần 385 tỷ đồng (+40% yoy). Chi phí tài chính của công ty giảm 26,1 tỷ đồng so với cùng kỳ, đạt 53,8 tỷ trong khi chi phí bán hàng tăng lên 46,5 tỷ đạt 192 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các loại chi phí, Minh Phú ghi nhận mức lãi sau thuế đạt 101,7 tỷ đồng (+138% yoy)

➤ **Hưởng lợi từ thuế quan** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) dự kiến có hiệu lực trong năm 2018 sẽ tạo nhiều thuận lợi cho xuất khẩu tôm. Theo lộ trình cam kết, khi EVFTA có hiệu lực, thuế xuất khẩu tôm mã HS 03061100 (tôm hùm xanh ướp đá; tôm sú HOSO, DP đông lạnh; tôm mũ ni vò...) sang EU sẽ về 0% thay vì mức hiện tại 12,5%; thuế sản phẩm tôm mã HS 03061710 (tôm sú tươi đông lạnh, tôm sú thịt đông lạnh, tôm thẻ thịt đông lạnh...) cũng về 0% từ mức 20% hiện nay. Đối với sản phẩm tôm chế biến, tôm mã HS 16052110 (tôm dạng bột nhão) và tôm mã HS 16052190 (tôm khác) sẽ được điều chỉnh từ mức 20% hiện nay về 0% sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. kể từ ngày 1/12/2017, xuất khẩu tôm sang Trung Quốc có lợi thế hơn khi nước này quyết định giảm thuế nhập khẩu từ 5% xuống 2% đối với sản phẩm tôm đông lạnh. Bộ thương mại Mỹ DOC công bố áp mức thuế xuất 25,39% đối với các bì đơn xuất khẩu tôm vào thị trường Mỹ trong đó không có MPC nên công ty tránh được mức thuế cao này và có lợi thế đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh.

➤ **Gỡ bỏ room ngoại và kế hoạch tăng vốn đột biến** MPC sẽ tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 2.000 tỷ. Phương án tăng vốn điều lệ cụ thể là công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 cho cổ đông và phát hành 1,54 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ có chức danh từ Phó giám đốc trở lên hoặc tương đương. Thời gian hạn chế chuyển nhượng 5 năm. Quan trọng nhất đó chính là việc MPC sẽ phát hành riêng lẻ 60 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và niêm yết lại Hose dự kiến trong tháng 6/2018.

Diễn biến giá cổ phiếu MPC với các doanh nghiệp cùng ngành tôm



Nguồn: VFS tổng hợp

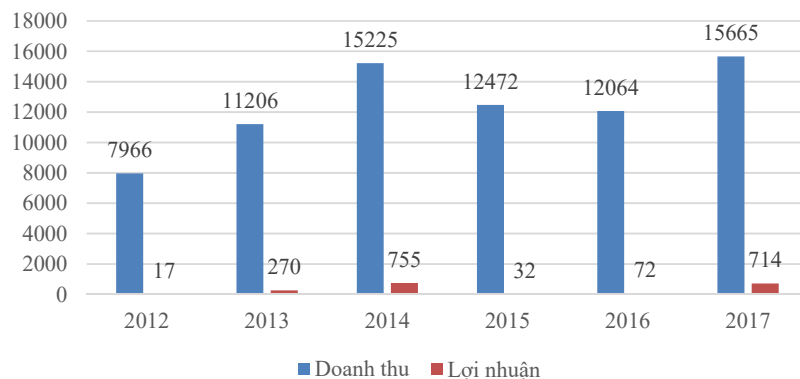
RỦI RO

Kết quả kinh doanh trôi sụt, nợ vay lớn, tình hình thời tiết, dịch bệnh và sự cố môi trường diễn biến thất thường, tôm nguyên liệu không đáp ứng đủ nhu cầu nhà máy ...

Kết quả kinh doanh trôi sụt

Do đặc thù ngành nhiều biến động và chịu tác động của nhiều yếu tố nên doanh thu và lợi nhuận của MPC không có sự ổn định.

Doanh thu & lợi nhuận MPC (tỷ đồng)



Nguồn: VFS tổng hợp

Nặng gánh nợ vay

Đến 31/12/2017, doanh nghiệp này có tổng nguồn vốn kinh doanh gần 9.498 tỷ đồng. Trong đó, các khoản nợ phải trả đang chiếm phần lớn với 6.506 tỷ đồng. Đặc biệt chi phí lãi vay duy trì quanh mức 200 tỷ đồng/năm làm cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn khi biến động lãi suất và chính sách cho vay của ngân hàng.

Tình hình thời tiết, dịch bệnh và sự cố môi trường diễn biến thất thường

Biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt với các hiện tượng nước biển dâng, El Nino và La nina, xâm ngập mặn,...diễn ra thường xuyên. Ngoài ra việc nuôi tôm công nghiệp đang gây sức ép đến nguồn nước tự nhiên. Đây vẫn là các nguy cơ lớn đối với sản xuất tôm.

Tôm nguyên liệu không đáp ứng đủ nhu cầu nhà máy

Hiện nguồn cung cũng chỉ đáp ứng 70-80% nhu cầu nhà máy gây khó khăn trong việc mở rộng sản xuất cũng như đáp ứng các đơn hàng lớn.

Giá tôm nguyên liệu của MPC cao

Hiện đang hơn 20% so với các nước khu vực như: Ấn Độ, Indonesia...dự kiến giảm còn 12% trong 2018. Để cạnh tranh công ty buộc phải giữ giá bán tương hoặc thấp hơn các đối thủ khiến cho biên lợi nhuận gộp bị ảnh hưởng.

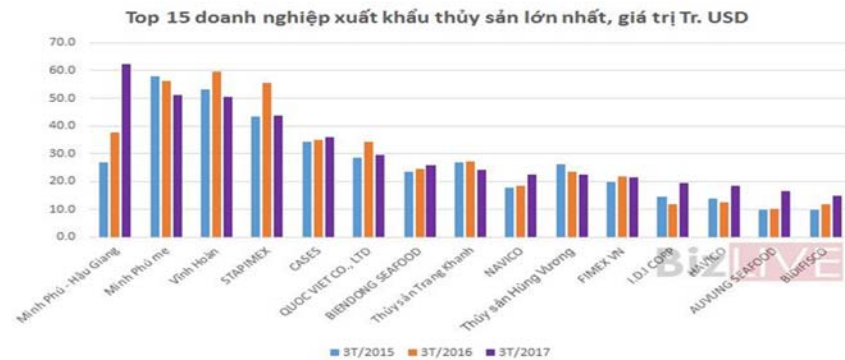
GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực chế biến kinh doanh xuất khẩu thủy sản với mặt hàng chính là tôm đông lạnh xuất khẩu. Công ty là doanh nghiệp thủy sản đầu tiên trong nước được công nhận tiêu chuẩn Global Gap. Từ năm 2000 MPC đã vươn lên dẫn đầu và luôn giữ vị trí này trong tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Nếu xét riêng ngành tôm, kim ngạch xuất khẩu của MPC bằng ba doanh nghiệp đứng sau cộng lại và chiếm khoảng 17% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.



Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Từ năm 2000 MPC đã vươn lên dẫn đầu và luôn giữ vị trí này trong tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Nếu xét riêng ngành tôm, kim ngạch xuất khẩu của MPC bằng ba doanh nghiệp đứng sau cộng lại và chiếm khoảng 17% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con là Minh Phú Hậu Giang nằm trên địa bàn đặc biệt khó khăn nên theo Thông tư 78, 96 và Nghị định 218 của Chính phủ được miễn thuế TNDN hoàn toàn.

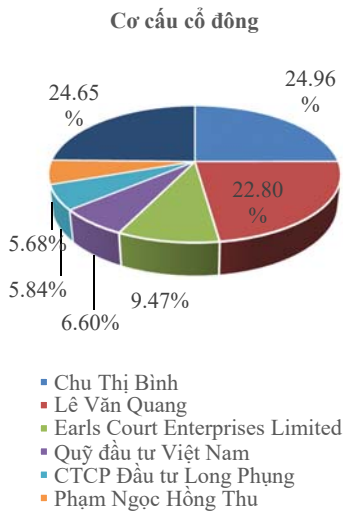


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Khả năng tự chủ nguyên liệu cao Minh Phú là doanh nghiệp có diện tích vùng nuôi lớn nhất với 900 ha nuôi tôm công nghiệp (do công ty sở hữu đáp ứng được 30% nguyên liệu) Công ty có kế hoạch mở rộng vùng nuôi tôm quy mô lớn 10.000 ha vùng nuôi công nghệ cao ở Kiên Giang với cơ chế ưu đãi 100% (Nhà nước đầu tư toàn bộ). Bộ NN&PTNT và tỉnh Kiên Giang đã phê duyệt còn chờ quyết định của Thủ tướng và Quốc hội.

Quy trình sản xuất hiện đại Công ty triển khai thành công hệ thống phần mềm tổng thể SAP ERP. Sản phẩm của công ty hiện nay đạt được các tiêu chuẩn khắt khe nhất như: EU Bio, Naturland, BAP 4 sao, Global Gap, BRC, ASC, HACCP, BSCI, WCA, ISO 9001:2008, Seafood Watch, US FDA, ISO 1400, ISO 2200, HALAL...nên có chỗ đứng và uy tín trên thị trường.

Cơ cấu cổ đông cô đặc nhưng chủ yếu được nắm giữ bởi cổ đông cá nhân sáng lập. Theo chia sẻ của Chủ tịch công ty thì hiện đang có cổ đông tổ chức nước ngoài muốn mua 35-65% vốn điều lệ công ty và MPC cũng chủ trương giảm tỷ lệ sở hữu của các cổ đông cá nhân, bán cổ phần cho đối tác ngoại để tình hình tài chính lành mạnh hơn.



Chỉ số	2013	2014	2015	2016	2017
Giá trị sổ sách/CP (1.000VNĐ)	22,6	25,6	25	25,7	34,8
EPS cơ bản (VNĐ)	3.859	10.787	464	1.030	9.1760
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0,39	0,28	0,30	0,66	0,41
Tỷ suất thanh toán nhanh	0,56	0,47	0,68	1,20	0,84
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1,05	1,17	2,47	2,83	1,82
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	-	0,28	1,77	1,93	0,84
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	2,98	3,60	2,83	2,91	2,27
EBITDA (tỷ VNĐ)	725,41	1.318,47	351,74	377,46	1.105,20
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	10,41%	13,36%	8,72%	8,21%	11,06%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	2,64%	6,10%	-0,06%	0,68%	4,24%
ROE%	18,67%	44,79%	1,61%	3,56%	30,33%
ROA%	3,88%	8,92%	0,35%	0,83%	7,27%
P/E	21,02	7,52	174,97	78,76	8,84

Nguồn: VFS tổng hợp

Sản phẩm chính Tôm | Cá tra |

Cá tra

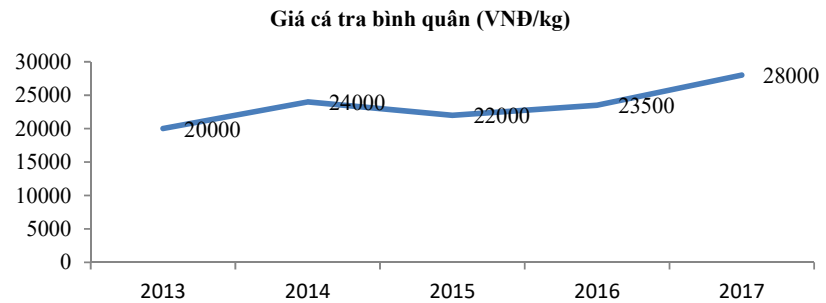
YẾU TỐ HỖ TRỢ

Giá cá tra thương phẩm tăng mạnh, Diện tích nuôi trồng và sản lượng tăng, Chính sách Nhà nước hỗ trợ đầu tiên về một đối tượng nuôi chủ lực....

→ Ngành cá tra đang bước vào chu kỳ tăng trưởng mới mạnh hơn

Giá cá tra thương phẩm tăng mạnh

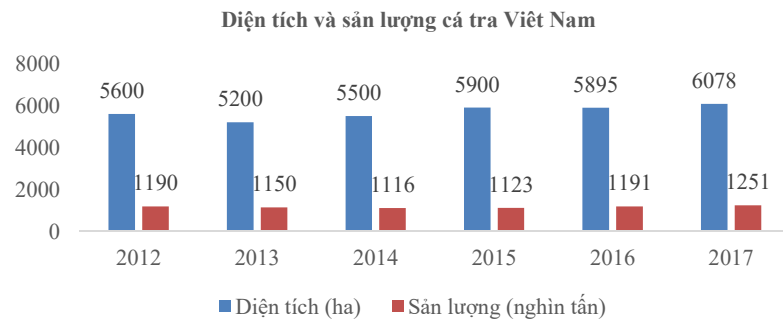
Năm 2017 do thời tiết diễn biến thất thường, cá nuôi bị hao hụt lớn, thời gian nuôi kéo dài nên sản lượng cá nuôi không đạt yêu cầu, không đủ cung ứng cho các nhà máy sản xuất chế biến. Nhu cầu từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh (thương lái Trung Quốc tranh mua) làm giá cá tra tăng vọt lên mức 28.000 – 28.500 đồng/kg trong năm 2017. Trong 2 tháng đầu năm 2018, giá cá tra nguyên liệu trong nước thập chí lập đỉnh kỷ lục “khó tin” đạt hơn 31.500 đồng/kg. Với mức giá này người nuôi và DN có vùng nuôi có lãi lớn ~ 5.000 – 7.000 đồng/kg.



Nguồn: VFS tổng hợp

Diện tích nuôi trồng và sản lượng tăng

Nuôi cá tra gặp thuận lợi do giá cá tra nguyên liệu cao hơn nhiều cùng kỳ năm 2016 và liên tục tăng qua các tháng đã khuyến khích người nuôi yên tâm đầu tư, thả nuôi trở lại. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kết thúc năm 2017, tổng diện tích nuôi cá tra của các tỉnh ĐBSCL đạt 6.078 ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng thu hoạch cũng tăng 5,4%, đạt 1,25 triệu tấn.



Nguồn: VFS tổng hợp

Quy trình nuôi cá tra theo chuỗi liên kết

Ngành cá tra đang từng bước hoàn thiện liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, cùng với việc thực hiện quy trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo ra chuỗi sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao là tiền đề vững chắc để mặt hàng cá tra vượt qua các “rào cản kỹ thuật”, xâm nhập các thị trường khó tính.

Chính sách Nhà nước hỗ trợ đầu tiên về một đối tượng nuôi chủ lực

Nghị định 36/2014/NĐ-CP được Chính Phủ ban hành trong năm 2014 nhằm đưa ngành cá tra phát triển toàn diện, có quy hoạch và được quản lý chặt chẽ. Đây là Nghị định đầu tiên về một đối tượng nuôi chủ lực, có lợi thế, với mục tiêu hướng tới xây dựng thương hiệu cho cá tra, lấy chất lượng làm trọng theo hướng phát triển sản phẩm xuất khẩu chiến lược và có tác động lớn tới hoạt động sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Chính phủ ban hành Nghị định 55/2017/NĐ-CP về phát triển ngành hàng cá tra (có hiệu lực ngày 1.7.2017). Điều đặc biệt của nghị định này là không cần thông tư hướng dẫn, có thể thực hiện ngay vì Bộ NNPTNT đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sản phẩm thủy sản - cá tra phi lê đông lạnh. Quy chuẩn này sẽ tạo ra hành lang pháp lý tốt nhất để người nuôi, doanh nghiệp chế biến xuất khẩu làm căn cứ thực hiện, triệt tiêu doanh nghiệp làm ăn gian dối, ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng của cá tra Việt Nam.

YẾU TỐ HẠN CHẾ

Thiếu hụt con giống và chất lượng kém, Giá thành sản xuất cá tra nguyên liệu ở mức cao

→ Hoạt động nuôi trồng bấp bênh trong khi doanh nghiệp chế biến luôn trong tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đầu vào.

Hàng rào thuế quan, kỹ thuật ngày càng khắt khe của các nước NK cạnh tranh với các đối thủ trong XK

→ Doanh thu xuất khẩu không tăng trưởng ổn định.

Thiếu hụt con giống và chất lượng kém

Hiện nay, toàn vùng ĐBSCL có hơn 100 cơ sở cho sinh sản nhân tạo cá tra và gần 1.900 hộ ương dưỡng cá giống với diện tích khoảng 1.500ha; sản lượng cá bột sản xuất ước đạt hơn 16 tỷ con/năm, tập trung ở các địa phương như: Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ... Tuy nhiên, thời gian qua chất lượng con giống suy giảm và không đảm bảo chất lượng, tỷ lệ hao hụt trong các ao nuôi, đặc biệt có những ao nuôi cá tra có tỷ lệ hao hụt 40%- 50%. Hầu hết các vùng nuôi đều xuất hiện bệnh phổ biến trên cá tra như: xuất huyết trắng mang, trắng gan, nhất là căn bệnh gan thận mù... nguyên nhân là do đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết đã xuống cấp đến mức đáng báo động

Thiếu nguyên liệu trầm trọng

Đa số các nhà máy chế biến hoạt động dư thừa công suất do thiếu nguyên liệu với mức từ 20-40%. Đặc biệt theo Phó Tổng thư ký Hiệp hội VASEP: Thiếu cá tra xuất khẩu cho tới ít nhất tháng 6/2018”. Thị trường châu Âu và Mỹ sẽ không đủ cá tra để xuất khẩu, chỉ đủ cho Trung Quốc.

Giá thành sản xuất cá tra nguyên liệu cao

Chi phí sản xuất cá tra duy trì từ 20.000 – 24.000 đồng/kg. Trong khi giá cá tra trên thị trường biến động, có thời điểm cao hơn giá thành khiến người nuôi thua lỗ, bỏ ao.

Hàng rào thuế quan, kỹ thuật ngày càng khắt khe của các nước nhập khẩu

Rào cản lớn từ thị trường Mỹ Từ ngày 2-8-2017, toàn bộ lô hàng cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ đã phải chịu sự kiểm soát của Cơ quan Thanh tra và An toàn thực phẩm (FSIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Hơn thế, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra mới đây sau kết luận cuối cùng trong vụ việc rà soát hành chính lần thứ 13 (POR 13) biện pháp chống bán phá giá cá tra - basa của Việt Nam với mức thuế cao kỷ lục (hơn gấp đôi giá xuất khẩu khi 2 doanh nghiệp chịu thuế 7,74 USD/kg, các doanh nghiệp còn lại là 3,78 USD/kg trong khi giá cá tra xuất khẩu chỉ từ 3-3,5 USD/kg)

Cạnh tranh với các đối thủ trong xuất khẩu gồm:

(a) Tôm khai thác của Bắc Mỹ và Tây Âu. Vụ tôm của Mỹ vừa qua cũng tăng mạnh về sản lượng, đạt gần 7.250 tấn tôm nguyên liệu. (b) tôm nuôi tại các nước Thái Lan, Trung Quốc, Ecuador...đáng chú ý sau khi Hiệp định thương mại giữa Ecuador và châu Âu có hiệu lực thì tôm thẻ xuất khẩu của nước này vào EU tăng 9% năm 2017 đạt 40.000 tấn.

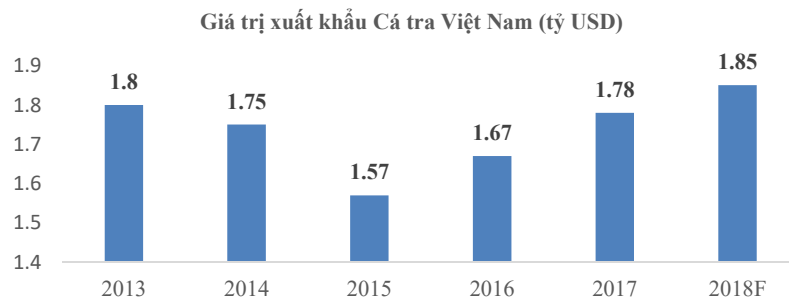
SẢN PHẨM ĐẦU RA

Ngành cá tra đã có sự phục hồi giá trị xuất khẩu từ 2016. Theo VASEP, năm 2017, kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 1,78 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2016. Dù mức tăng này thua xa các sản phẩm thủy sản xuất khẩu khác, nhưng đây được xem là “kỳ tích” khi con cá tra liên tục bị “mắc cạn” ở hai thị trường chính và truyền thống là Mỹ và EU. Chính Trung Quốc đã nổi lên “cứu thua” cho ngành cá tra Việt Nam.

Tuy vậy giá trị gia tăng hoạt động chế biến thấp do sản phẩm đơn điệu.

Giá trị xuất khẩu phục hồi

Sau giai đoạn sụt giảm liên tục thì ngành cá tra đã có sự phục hồi giá trị xuất khẩu từ 2016. Theo VASEP, năm 2017, kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 1,78 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2016. Dù mức tăng này thua xa các sản phẩm thủy sản xuất khẩu khác, nhưng đây được xem là “kỳ tích” khi con cá tra liên tục bị “mắc cạn” ở hai thị trường chính và truyền thống là Mỹ và EU. Dự báo, năm 2018, xuất khẩu cá tra của Việt Nam có thể đạt khoảng 1,85 tỷ USD.



Nguồn: VFS tổng hợp, Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Xuất khẩu cá tra hiện đang tăng trưởng mạnh ở các thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản, ASEAN..., đủ bù đắp cho sự sụt giảm ở thị trường EU và Mỹ. Tuy vậy, sự tăng trưởng xuất khẩu mạnh ở thị trường Trung Quốc cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro (chính trị, thương lái Trung Quốc làm giá)

Sản phẩm đơn điệu

Khi trên 90% là cá phi lê đông lạnh, ít sản phẩm chế biến sâu nên giá trị gia tăng và giá trị xuất khẩu không cao.

Thị trường EU và Mỹ tiếp tục suy giảm

Khó khăn tại hai thị trường xuất khẩu truyền thống và lớn là Mỹ và EU vẫn tiếp tục. Giá trị xuất khẩu sang hai thị trường Mỹ và EU giảm tiếp trong tháng 12/2017 lần lượt 26%; 24% kéo tổng giá trị XK cả năm giảm 11% và 22,3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là EU đang có xu hướng đi vào phân khúc sản phẩm chất lượng cao, thay vì nhập khẩu đại trà như trước đây và đặc biệt là truyền thông tiêu cực. Ngay từ đầu năm 2017, kênh truyền hình Cuatro TV Tây Ban Nha phát sóng đoạn phóng sự thông tin sai lệch về hình ảnh cá tra Việt Nam đã ảnh hưởng xấu đến tình hình xuất khẩu sang thị trường EU. Trong khối thị trường chung Châu Âu, top 5 thị trường NK hàng đầu, duy nhất giá trị XK cá tra sang Anh tăng 2,5% so với năm 2016. Các thị trường khác như: Hà Lan, Đức, Bỉ giảm lần lượt 3,2%; 19,3% và 4,2% so với năm ngoái. Còn thị trường Mỹ các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra sang thị trường này cũng phải chịu mức thuế chống bán phá giá khá cao, với mức thuế trong quyết định sơ bộ của đợt xem xét hành chính lần thứ 13 (POR13) là 2,39 USD/kg, cao gấp 3 lần so với POR12.

Khó khăn tại hai thị trường XK truyền thống và lớn là Mỹ và EU vẫn tiếp tục giảm. Trong khối thị trường chung Châu Âu, top 5 thị trường NK hàng đầu, duy nhất giá trị XK cá tra sang Anh tăng 2,5% so với năm 2016. Các thị trường khác như: Hà Lan, Đức, Bỉ giảm lần lượt 3,2%; 19,3% và 4,2% so với năm ngoái

Thị trường Trung Quốc

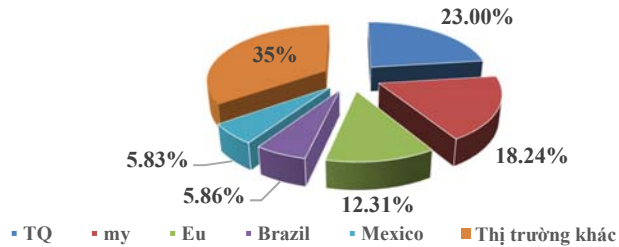
XK cá tra sang thị trường Trung Quốc - Hồng Kông trong năm qua đạt 410,8 triệu USD, tăng 34,8% so với năm 2016, chiếm 23% tổng giá trị XK. Trong 3 quý đầu năm 2017, giá trị XK cá tra sang thị trường này tăng trưởng rất mạnh, trung bình từ hai con số. Tuy nhiên trong quý 4/2017, tốc độ tăng trưởng đã giảm độ "nóng". Tính riêng tháng 12/2017, giá trị XK cá tra sang Trung Quốc - Hồng Kông tăng gần 10% so với cùng kỳ năm trước.

Các thị trường khác

Trong khối ASEAN, Thái Lan là thị trường lớn nhất của các DN XK cá tra Việt Nam với giá trị đạt 51 triệu USD, tăng 8,8%. Ngoài ra, hai thị trường khác là Singapore và Philippines cũng có giá trị XK tăng lần lượt 2,8% và 11,9%. Dự báo, trong năm 2018, giá trị XK cá tra sang khu vực này vẫn tiếp tục giữ ổn định mức tăng trưởng bình quân như năm 2017.

Năm 2017, XK cá tra sang 2 thị trường lớn giảm nên các DN tăng mạnh XK cá tra sang 3 thị trường tiềm năng lớn là Brazil, Mexico và Ả-rập Xê-út. Giá trị XK sang 3 thị trường này tăng trưởng khá tốt và được dự báo còn giữ tốc độ này trong năm nay. Theo thống kê, kết thúc năm 2017, giá trị XK cá tra sang Brazil, Mexico và Ả-rập Xê-út đạt lần lượt 104,7 triệu USD, 104,2 triệu USD và 53,4 triệu USD, tăng lần lượt 54%; 23,6% và 4,2% so với năm trước.

Tỷ trọng Thị trường xuất khẩu Cá tra Việt Nam 2017



Nguồn: VFS tổng hợp, VASEP

Doanh nghiệp lớn trong ngành cá tra VĨNH HOÀN (VHC) ...

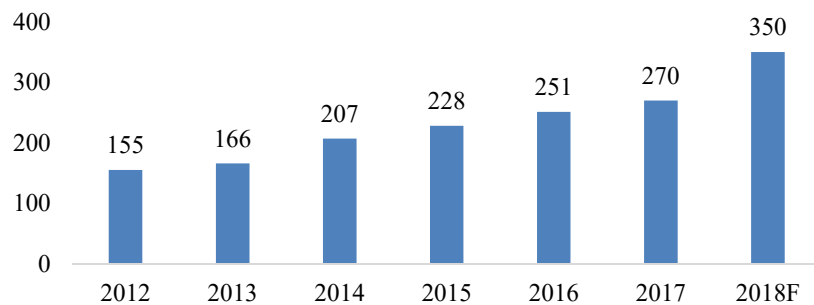
ĐIỂM NHẤN

Năm 2017 Vĩnh Hoàn đạt 8.173 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 10,9% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 593 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận trên mỗi cổ phần đạt 6.428 đồng/cổ phần; tổng giá trị xuất khẩu đạt 299 triệu USD. Trong khi đó giá cổ phiếu VHC của Vĩnh Hoàn đã phá đỉnh dài hạn xác lập năm 2016.

Năm 2017 “nữ hoàng cá tra” vượt đỉnh mọi thời đại

Tổng kết năm tài khóa 2017, Vĩnh Hoàn đạt 8.173 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 10,9% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 593 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận trên mỗi cổ phần đạt 6.428 đồng/cổ phần; tổng giá trị xuất khẩu đạt 299 triệu USD. Trong khi đó giá cổ phiếu VHC của Vĩnh Hoàn đã phá đỉnh dài hạn xác lập năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu của VHC (triệu USD)



Nguồn: VFS tổng hợp

Chuỗi giá trị dài với khả năng tự chủ nguyên liệu cao tạo lợi thế cạnh tranh kếp

Trong ngành thủy sản, doanh nghiệp nào có khả năng khép kín quy trình sản xuất càng cao càng có lợi thế cạnh tranh lớn. Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất khép kín thì khả năng tự chủ nguyên liệu và hiệu quả hoạt động, khả năng sinh lời càng cao. VHC là một trong số ít những doanh nghiệp có quy trình sản xuất kinh doanh khép kín nên hiệu quả kinh doanh luôn nằm top đầu ngành. Chuỗi giá trị dài, đặc biệt là khả năng tự chủ vùng nguyên liệu lên tới 65% đã giúp VHC có lợi thế cạnh tranh kếp. Công ty hiện đang hoạt động với 32 ao nuôi trên tổng diện tích 530 ha và 55 ha vùng ương cá tra giống. Một nửa diện tích vùng nuôi của VHC đã có các chứng nhận Global GAP, ASC hoặc BAP. Vĩnh Hoàn hiện đang vận hành 6 nhà máy chế biến với tổng công suất 850 tấn nguyên liệu/ngày, nhà máy GTGT và nhà máy chế biến phụ phẩm với công suất lần lượt là 2.000 tấn/năm và 18.000 tấn/năm.

ĐIỂM NHẤN

Triển vọng khả quan 2018 do hưởng lợi thuế quan từ thị trường chủ lực Mỹ và sự vươn lên của thị trường Trung Quốc và hưởng lợi thuế quan thị trường Mỹ.

Triển vọng khả quan 2018

- **Xuất khẩu Q1/2018 bất phá** Giá bán tăng mạnh 34% nên dù sản lượng giảm nhẹ 3%, Vĩnh Hoàn (VHC) xuất khẩu gần 76 triệu USD trong quý 1/2018 - tăng 30% so với cùng kỳ. Nhóm Collagen và Gelatine ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ lên tới 241%. Tỷ trọng cá tra phi lê, Collagen và Gelatine trong tổng doanh thu đều tăng. Ngược lại, các sản phẩm khác như bột cá, dầu cá... suy giảm so với cùng kỳ tới 45%.
- **Kế hoạch kinh doanh thận trọng.** Năm 2018, Vĩnh Hoàn cũng đặt kế hoạch SXKD năm 2018 với mục tiêu doanh thu thuần đạt 9.300 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2017; trong đó giá trị XK đạt 350 triệu USD, tăng 17% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 620 tỷ đồng, tăng 10% so với lợi nhuận thực hiện năm 2017. EPS dự phóng đạt 6.700 đồng/ cổ phiếu.
- **Kết quả kinh doanh Q1/2018 khó hiểu** Trong khi các doanh nghiệp cùng ngành đều báo lãi tăng mạnh thì báo cáo hợp nhất VHC chỉ đạt doanh thu 1.828 tỷ đồng (+13%) và LNST gần 98 tỷ đồng (+1,6% yoy). Mấu chốt là trong kỳ công ty đã giảm sở hữu tại công ty con Vạn Đức Tiền Giang (VĐTG) thành công ty liên kết nên trên bảng cân đối kế toán của Vĩnh Hoàn sẽ không ghi nhận phần tài sản và doanh thu hợp nhất của VĐTG mà sẽ ghi nhận ở khoản mục lãi/ lỗ công ty liên kết. (Năm 2017, doanh thu của VĐTG đạt 2.078 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng 15,4% so với năm 2016 và chiếm 33,2% tổng doanh thu của Vĩnh Hoàn; lợi nhuận sau thuế của VĐTG đạt 178 tỷ đồng, tương đương 30% tổng

lợi nhuận) Không những vậy việc thoái vốn khỏi VĐTG đem về cho VHC gần 400 tỷ đồng dưới dạng cổ tức nhưng công ty chỉ hạch toán vào báo cáo trong công ty mẹ, đồng thời lại hạch toán 64 tỷ đồng lợi thế thương mại từ thương vụ này vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Nên nếu hạch toán đầy đủ thì LNST trên báo cáo hợp nhất của VHC Q1/2018 sẽ không dừng lại ở con số tương đương cùng kỳ. Có thể đây là cách công ty “lách luật” để giảm thuế phải nộp.

- **Hưởng lợi từ thuế quan** Vĩnh Hoàn là 1 trong 2 công ty của Việt Nam vẫn hưởng thuế suất 0% sau đợt POR13 của Bộ Thương Mại Mỹ (trong khi các công ty khác chịu mức thuế rất cao) có thể giúp tăng doanh thu và lợi nhuận 2018 của công ty (Do Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu chính với 51% doanh thu 2017 của VHC).
- **Đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc** Vĩnh Hoàn cho biết năm 2018, Trung Quốc, Nhật Bản và Mexico sẽ là các thị trường xuất khẩu chiến lược của Công ty. Trong đó Trung Quốc đang là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Công ty sau Mỹ, chiếm 17% tổng doanh thu xuất khẩu năm 2017. Trong quý I/2018, kim ngạch xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc tăng 42% và thị trường này đã vượt Mỹ trở thành nhà nhập khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam.
- **Giá cá tra nguyên liệu giữ ở mức cao** Đầu năm 2018 giá cá tra đã tăng lên mức cao kỷ lục 10 năm là 31.500 đồng/kg. Trong khi tình trạng thiếu nguyên liệu cá tra được dự báo kéo dài đến tháng 6/2018 nên giá cá tra vẫn sẽ duy trì mức cao. Điều này tạo lợi thế lớn cho doanh nghiệp có vùng nuôi lớn nhất như Vĩnh Hoàn.

RỦI RO

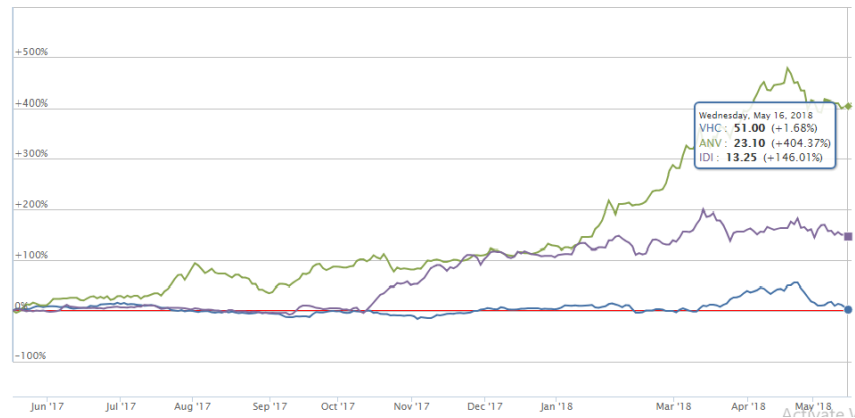
Với thương hiệu và tình hình tài chính lành mạnh, thì những rủi ro đến từ nội tại doanh nghiệp không lớn. Rủi ro của công ty chủ yếu đến từ ngành với biến động sản lượng và giá nguyên liệu cá tra, cùng thị trường xuất khẩu.

Rủi ro

- Ổn định nuôi cá tra giống, rủi ro khó lường Việc giá cá tra tăng lên mức kỷ lục cùng con số thu mua đang khiến người nuôi đặc biệt là các hộ nông dân chuyển từ trồng lúa sang đào ao nuôi cá tra. Việc này nếu không được kiểm soát có thể gây nên hiện tượng sụt giảm nhanh giá cá tra thương phẩm cuối năm 2018 và năm 2019.
- Thương lái Trung Quốc làm giá Sản phẩm cá tra Việt Nam hiện có đến 70% vẫn xuất khẩu sang thị trường này theo đường uỷ thác hoặc tiểu ngạch, DN Trung Quốc đề nghị chỉ đặt cọc khoảng 30% tổng tiền lô hàng cá tra, cộng với giá vận chuyển trung bình một lô hàng cá tra tới cửa khẩu khoảng 45 - 47 triệu đồng.

Nắm bắt được kẽ hở này, thương lái Trung Quốc càng dễ ép giá, kéo dài thời gian thanh toán tiền mua cá, gây thiệt hại cho cả doanh nghiệp và người nuôi.

➤ **Diễn biến giá cổ phiếu VHC với các doanh nghiệp cùng ngành cá tra** là năm khó khăn về nguồn nguyên liệu do các yếu tố thiếu hụt về con giống và tác động của nhu cầu cao từ Trung Quốc. Để đảm bảo mức lợi nhuận mục tiêu, công ty thực hiện chiến lược bán hàng với mức giá đủ để bù đắp chi phí nguyên liệu đầu vào; cải thiện biên lợi nhuận.



Nguồn: VFS tổng hợp

GIỚI THIỆU CHUNG

Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp xuất khẩu (XK) cá tra/basa đứng đầu tại Việt Nam với thị phần đạt ~15%, và đứng thứ 2 ngành thủy sản sau Minh Phú. Công ty hiện đang XK sang 40 quốc gia trên thế giới. Công ty có kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định và tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu cổ đông cô đặc...

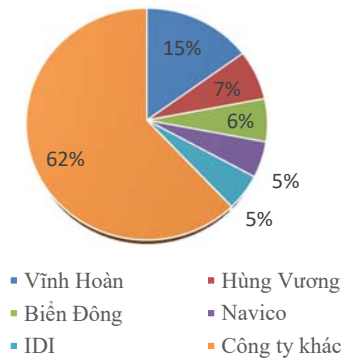


Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ 2 ngành Khi ngành cá tra Việt Nam phát triển nhanh cả về quy mô lẫn số lượng doanh nghiệp sản xuất cá tra, thị phần của Vĩnh Hoàn vẫn tăng trưởng ổn định. Năm 2016, trong một thị trường với hơn 200 doanh nghiệp, Vĩnh Hoàn chiếm đến 15% thị phần, đứng đầu ngành cá tra. Còn trong toàn ngành doanh thu của VHC chỉ đứng sau MPC, trong khi lợi nhuận và vốn hóa đều vượt trội.

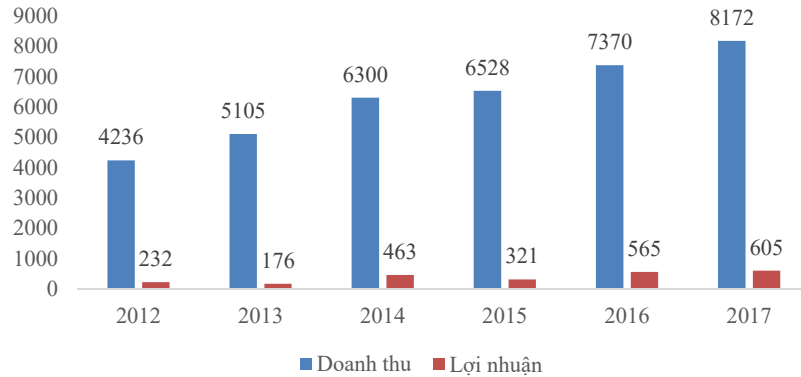
Kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định

Doanh thu liên tục tăng trưởng. Trong khi về dài hạn quy mô lợi nhuận vẫn tăng tốt dù đã tăng trưởng bị gián đoạn trong một số năm 2013 và 2015.

Thị phần xuất khẩu cá tra Việt Nam 2017



Doanh thu & lợi nhuận VHC (tỷ đồng)



Nguồn: VFS tổng hợp

Kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào xu hướng giá cá tra nguyên liệu. Cá nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá thành của công ty, vì vậy mỗi biến động về giá cá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận. Mặc dù doanh thu liên tục tăng trưởng liên tục trong 10 năm gần nhất nhưng lợi nhuận không duy trì được đà tăng trưởng bền vững mà biến động theo xu hướng cá nguyên liệu. Điểm tích cực là về dài hạn quy mô lợi nhuận vẫn tăng tốt dù đã tăng trưởng bị gián đoạn trong một số năm.

Phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao

Những mặt hàng giá trị gia tăng và Collagen có biên lợi nhuận cao (22-24%) cũng được công ty đẩy mạnh sản xuất. Trong năm 2018, dự kiến doanh thu từ mảng collagen, galentin và cá mặt hàng giá trị gia tăng đạt 30 triệu USD (tăng 230% so với cùng kì), chiếm 7,5% doanh thu tập đoàn.

Các chỉ số cơ bản nổi bật

VHC có tỷ suất ROA và ROE cao hơn doanh nghiệp cùng ngành trong nước và khu vực. Năm 2017, ROE và ROA của VHC lần lượt đạt 22,4% và 12,5%, cao hơn 34,1% và 76,7% so với TB ngành. PE hiện tại của VHC là 10,8 thấp hơn rất nhiều so với mức TB ngành (20,1x), hay so với Thái Lan (14,1x), Indonesia (13,1x).

Chỉ số	2013	2014	2015	2016	2017
Giá trị sổ sách/CP	23.905	20.236	22.477	25.833	31.844
EPS cơ bản	2.579	4.753	3.274	6.133	6.544
Tỷ suất thanh toán nhanh	0,54	0,62	0,82	0,87	0,82
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1,84	1,23	1,57	1,81	1,80
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0,06	0,00	0,21	0,22	0,14
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0,03	0,00	0,10	0,12	0,08
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	0,61	1,36	0,87	0,63	0,57

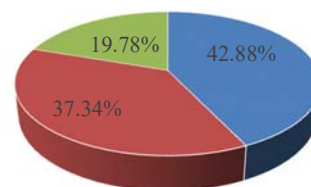
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0,35	0,56	0,42	0,34	0,33
Tổng công nợ/Vốn CSH	0,68	1,39	1,09	0,86	0,71
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0,39	0,58	0,52	0,46	0,42
EBIT	219,81	416,49	432,45	685,71	761,19
EBITDA	330,64	537,32	576,82	832,55	960,03
Tỷ suất EBITDA	6,49%	8,54%	8,88%	11,40%	11,78%
ROE%	11,33%	26,31%	16,29%	25,29%	22,67%
ROCE%	14,40%	23,10%	19,24%	25,06%	24,14%
ROA%	5,63%	12,47%	7,29%	12,87%	12,74%
ROIC%	10,65%	10,64%	11,20%	18,15%	17,49%
Tỷ suất cổ tức	2,08%	0,00	2,08%	2,78%	2,78%
P/E pha loãng	27,91	15,15	20,63	11,74	11,00
P/B	3,01	3,56	3,20	2,79	2,26

Nguồn: VFS tổng hợp

Cơ cấu cổ đông cô đặc

Chủ yếu được nắm giữ bởi cổ đông cá nhân sáng lập và các tổ chức uy tín như: MITSUBISHI CORP, Red River Holding, Quỹ đầu tư Việt Nam, Dragon Capital.... Trong đó Nhóm Dragon liên tục mua vào hơn 1 triệu cp VHC trong thời gian gần đây, khiến cho room nước ngoài tại VHC cũng không còn nhiều

Cơ cấu cổ đông



■ Trương Thị Lệ Khanh
 ■ Nước ngoài
 ■ Cổ đông khác

Nguồn: VFS tổng hợp

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phụ trách phòng Nghiên cứu Phân tích

hang.nguyen@vfs.com.vn

Nguyễn Văn Thanh

Chuyên viên Phân tích

thanh.nguyenvan@vfs.com.vn

Nguyễn Thế Việt

Chuyên viên Phân tích

viet.nguyen@vfs.com.vn

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 2, 117 – 119 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10, Tòa nhà Sentinel Place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39288222 – Ext: 117 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.